

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



VI THỊ HUYỀN TRANG
Lớp : LUẬT KINH TẾ khóa:12-01

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ
YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn : Ths Nguyễn Ngọc Lan

HÀ NỘI 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



VI THỊ HUYỀN TRANG
Lớp : LUẬT KINH TẾ khóa:12-01

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ
YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn : Ths Nguyễn Ngọc Lan

Nơi thực hiện đề tài : Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện từ : 21/03/2022 – 28/05/2022

HÀ NỘI 2022

Lời cam đoan

Em xin cam đoan đề tài: “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam*” là khóa luận tốt nghiệp độc lập dưới sự hướng dẫn của *Ths Nguyễn Ngọc Lan*. Khóa luận tốt nghiệp mà em đã cố gắng hoàn thành bằng tất cả sự nhiệt tình, tìm hiểu và học hỏi. Ngoài ra không có bất cứ sự sao chép khóa luận của người khác. Mọi nguồn tài liệu được sử dụng trong khóa luận đều được trích dẫn từ nguồn website tham khảo rõ ràng.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2022

Tác giả đề tài

Trang

Vi Thị Huyền Trang

Lời cảm ơn

Trong những năm qua, pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng tại Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong môi trường gia đình lành mạnh, động viên, khơi dậy tinh thần nhân đạo, nhân văn của con người Việt Nam, giữ gìn và phát huy truyền thống tương thân tương ái trong nhân dân. Tuy nhiên, trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, việc cho nhận con nuôi ngày càng phát triển về quy mô và số lượng ở trong cũng như ngoài nước đã đặt ra những thách thức đòi hỏi phải hoàn thiện các thiết chế và pháp luật về nuôi con nuôi nhằm giải quyết quyết tốt việc cho nhận con nuôi, đảm bảo lợi ích cho trẻ em được nhận nuôi.

Sau thời gian học tập, nghiên cứu. Để hoàn thành bài khóa luận này em xin bày tỏ sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc tới:

Cô giáo, Ths Nguyễn Ngọc Lan đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này lời cảm ơn sâu sắc nhất.

Đề tài khóa luận : ***“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam”*** được thực hiện bằng sự nghiên cứu, tìm hiểu của cá nhân sinh viên, có tham khảo các bài viết của sách, báo, website, tuy nhiên với vốn kiến thức hạn hẹp không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp, góp ý của quý Hội đồng của khoa, giảng viên và các bạn đọc.

Chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
CNNN	Con nuôi nước ngoài
CSND	Cơ sở nuôi dưỡng
ĐƯQT	Điều ước quốc tế
HCDB	Hoàn cảnh đặc biệt
HN & GD	Hôn nhân và gia đình
HĐHTNCN	Hiệp định hợp tác nuôi con nuôi
LĐ-TBXH	Lao động-Thương binh xã hội
NĐ - CP	Nghị định – Chính Phủ
NV	Nội vụ
QPPL	Quy phạm pháp luật
TGXH	Trợ giúp xã hội
TPQT	Tư pháp quốc tế
TTTP	Tương trợ tư pháp
UBND	Ủy ban nhân dân
YTNNg	Yếu tố nước ngoài

Mục lục

Lời cam đoan	3
Lời cảm ơn.....	4
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT.....	5
Mở đầu.....	9
1. Lý do chọn đề tài	9
2. Tình hình nghiên cứu.....	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	11
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	12
5. Giả thuyết khoa học	13
6. Phương pháp nghiên cứu	14
7. Đóng góp của đề tài	15
8. Bố cục của đề tài:.....	15
Nội dung	16
Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam.....	16
1. Khái niệm nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	16
2. Một số đặc trưng cơ bản của pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	18
3. Hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.....	20
4. Điều kiện được nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	21
5. Điều kiện của người xin con nuôi và của trẻ em được nhận làm con nuôi.....	21
6. Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi ở Việt Nam.....	22
7. Vai trò của pháp luật về nuôi con nuôi	23
8. Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam.....	24
9. Công ước LaHay 1993 hợp tác quốc tế về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi	25
9.1 Khái quát chung về công ước Lahay 1993	25
9.2 Nội dung cơ bản của Công ước Lahay 1993	27
9.3 Những nguyên tắc cơ bản của Công ước Lahay 1993	28
9.4 Thành lập Cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế	29

9.5 Tổ chức được chỉ định hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi.....	30
9.6 Trình tự, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi.....	30
9.7 Hệ quả của việc nuôi con nuôi.....	31
10. Những yêu cầu từ việc gia nhập và thực hiện Công ước Lahay 1993	32
10.1 Cơ quan Trung ương về con nuôi nước ngoài	32
10.2 Cho phép các tổ chức được ủy quyền hoạt động.....	32
10.3 Minh bạch hóa các khoản tài chính liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi	34
Kết luận chương I	37
Chương 2: THỰC TIỄN VẤN ĐỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	38
1. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta trước khi có pháp luật về nuôi con nuôi (trước năm 1993)	38
2. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta sau khi có pháp luật về nuôi con nuôi điều chỉnh.....	40
3. Thực tiễn nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài từ năm 2010 đến nay.....	45
4. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam hiện nay.....	49
5. Công tác thực hiện và triển khai quy định của pháp luật về vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.....	52
6. Tình hình kí kết và thực hiện các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	53
7. Một số nhận xét chung về tình hình áp dụng pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay	54
8. Những thuận lợi khi áp dụng pháp luật về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	55
9. Những khó khăn, bất cập khi áp dụng pháp luật về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	58
Kết luận chương II.....	60
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....	61
1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay.....	61
2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam.....	63

3. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt nam	64
4. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay	65
5. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	71
Kết luận chương III.....	73
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77
DANH MỤC CÁC TRANG WEDSITE THAM KHẢO.....	78

Mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Luật nuôi con nuôi 2010 ra đời là cột mốc đánh dấu sự kiện quan trọng của quá trình pháp điển hoá các quy phạm pháp luật và thực tiễn giải quyết các vấn đề về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng. Tuy nhiên, trước yêu cầu hội nhập quốc tế, nhất là việc Việt Nam đã tham gia Công ước Lahay 1993, yêu cầu pháp luật Việt Nam phải hài hoà với pháp luật nhiều nước trên thế giới và thông lệ quốc tế. Khi đó, pháp luật Việt nam không tránh khỏi bộc lộ một số hạn chế và thực tiễn giải quyết quan hệ nuôi con nuôi còn một số vướng mắc. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trở thành vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Từ những yêu cầu khách quan về lý luận và thực tiễn trên, em đã lựa chọn đề tài **“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp Đại học.

2. Tình hình nghiên cứu

- Vấn đề nuôi con nuôi đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện bởi các công trình nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau như: Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp trong chương trình hợp tác với Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF) đã có chuyên đề về “Chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam và quốc tế”, năm 1998; Năm 2009, tổ chức dịch vụ xã hội quốc tế (ISS) tiến hành đánh giá độc lập về tình hình nhận con nuôi từ Việt Nam dưới sự đồng ý của cơ quan UNICEF tại Hà Nội và Cục Con nuôi Bộ Tư pháp về “Nhận nuôi con nuôi từ Việt Nam”; năm 2010 Chính phủ Việt Nam và Unicef đã có “Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam”. Những tài liệu này đã giới thiệu khái quát về chế định nuôi con nuôi trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nêu thực trạng về nuôi con

nuôi tại một số địa phương và giới thiệu về pháp luật nuôi con nuôi của một số nước. Bên cạnh đó còn có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài luận văn, các bài bình luận đã được công bố như:

- Luận án tiến sĩ Luật học: Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp lý về nuôi con nuôi ở Việt Nam của tác giả Nguyễn Phương Lan, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2007;

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của Trường Đại học Luật Hà Nội: Hoàn thiện chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam, chủ nhiệm đề tài Ngô Thị Hương, năm 2007;

- Luận văn thạc sĩ luật học: Bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay của tác giả Nguyễn Thị Hồng Trinh, Đại học Luật Hà Nội, năm 2010;

Những công trình trên đã phân tích và nêu ra một số tồn tại, bất cập trong các quy định về nuôi con nuôi của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như các văn bản quy phạm pháp luật về nuôi con nuôi hiện hành. Ngoài ra còn có bài viết nghiên cứu về lĩnh vực nuôi con nuôi như:

“Bản chất pháp lý của việc nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam” của tác giả Nguyễn Phương Lan đăng trên Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội số 3 năm 2004;

“Về việc nuôi con nuôi giữa bố dượng hoặc mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng theo Luật Nuôi con nuôi” của tác giả Nguyễn Thị Lan trên tạp chí Luật học, trường đại học Luật Hà Nội số 8 năm 2011;

“Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi theo Luật Nuôi con nuôi Việt Nam” của tác giả Nguyễn Phương Lan đăng trên Tạp chí Luật học số 10 năm 2011 và nhiều công trình nghiên cứu, bài viết khác.

Nhìn chung các công trình, xuất bản phẩm trên đây đã được các tác giả nghiên cứu nghiêm túc và có nhiều đóng góp cơ bản cả về lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật liên quan đến lĩnh vực nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách chuyên sâu, riêng biệt. Vì vậy, việc lựa chọn đề tài: **“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam”** làm khóa luận là cần thiết và không có sự trùng lặp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

- Khóa luận nghiên cứu nội dung hệ thống các văn bản QPPL điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam bao gồm ĐUQT về nuôi con nuôi, Luật nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, tiểu luận nghiên cứu hệ thống các văn bản QPPL trong nước có liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi trong BLDS 2015, Luật HN&GD 2014, Luật hộ tịch 2014 và Luật trẻ em 2016; từ đó làm rõ thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Khóa luận nghiên cứu thực trạng, áp dụng và hoàn thiện pháp luật gắn với thực tiễn về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam, đặt trong bối cảnh chung về nuôi con nuôi quốc tế trên thế giới và mối quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước khác. Thực trạng pháp luật được phân tích và đánh giá lồng ghép trong nội dung đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, khóa luận tìm ra những vướng mắc, khó khăn trong việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và làm rõ nhu cầu hoàn thiện pháp luật ở nước ta.

Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung, bài nghiên cứu giới hạn phạm vi nghiên cứu của khóa luận được giới hạn tập trung vào các quy định pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi trong nước và

nuôi con nuôi có YTNNg, mối quan hệ phụ thuộc giữa pháp luật của nước ta và pháp luật của nước có liên quan với tư cách là nước nhận trẻ em làm con nuôi. Pháp luật của Nước gốc có vị trí nhất định trong việc công nhận hoặc chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi.

Bài nghiên cứu nội dung quy định của Công ước La Hay 1993 nhằm đối chiếu, so sánh với các quy định của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi.

Về không gian, khóa luận nghiên cứu tìm hiểu những quy định pháp luật có hiệu lực thi hành trên lãnh thổ Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, bài nghiên cứu về tìm hiểu Pháp luật của các nước có ảnh hưởng tới việc xác định hệ quả của việc cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước đó.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Khóa luận tập trung nghiên cứu pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta trong mối quan hệ với ĐUQT về nuôi con nuôi và hệ thống pháp luật trong nước nhằm đánh giá hiệu quả, mức độ hoàn thiện, tính phù hợp với Công ước La Hay 1993 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Từ đó xác định nhu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu tổng quát, khóa luận cần tập trung làm rõ cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, phân biệt quy định pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg.

Để làm rõ nhu cầu hoàn thiện pháp luật, khóa luận cần phân tích và đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, những yếu tố ảnh hưởng tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, khóa luận làm rõ những nội dung hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg trong tình hình mới cho phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế trên thế giới.

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, khóa luận có những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, bài nghiên cứu cần làm sáng tỏ cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg. Lý luận chung về nuôi con nuôi được tiếp cận dưới góc độ sự kiện hộ tịch, quan hệ pháp luật và nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi.

Thứ hai, bài nghiên cứu cần phân biệt cơ sở lý luận pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg dựa trên những chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi (người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi), công nhận việc nuôi con nuôi. Từ đó, luận án đưa ra những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, chủ yếu dựa trên tiêu chí bảo đảm quyền của các bên liên quan.

Thứ ba, bài nghiên cứu cần phân tích thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, nội luật hóa Công ước La Hay 1993 và đánh giá những tác động của thực trạng hoàn thiện pháp luật tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam.

Thứ tư, bài nghiên cứu cần làm rõ quan niệm, ý nghĩa hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg từ đó, xác định những nhu cầu hoàn thiện pháp luật.

Thứ năm, trên cơ sở nhu cầu hoàn thiện pháp luật, bài nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam trong tình hình mới.

5. Giả thuyết khoa học

Trên cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, khóa luận cần tập trung vào một số giả thuyết khoa học về tác động của việc nuôi con nuôi

nước ngoài với thực trạng trẻ em bị bỏ rơi và quyền trẻ em; sự gắn kết việc nuôi con nuôi với các biện pháp chăm sóc thay thế khác; vấn đề xã hội hóa dịch vụ nuôi con nuôi; vấn đề xác định pháp luật áp dụng về điều kiện và hệ quả của việc nuôi con nuôi nước ngoài trong bối cảnh mới.

6. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp phân tích và bình luận**, để làm rõ quy định pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi, sự khác biệt giữa hai chế định nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, mối tương quan giữa pháp luật Việt Nam với tư cách là Nước gốc và pháp luật của một số nước nhận nhiều trẻ em Việt Nam làm con nuôi; tính phù hợp giữa pháp luật trong nước và Công ước La Hay 1993.

- **Phương pháp so sánh, đối chiếu**: Thông qua việc so sánh, đối chiếu với pháp luật các nước, đưa ra những nhận xét về sự phù hợp và chưa phù hợp của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, làm cơ sở cho các kiến nghị về việc hoàn thiện pháp luật trước yêu cầu của thực tiễn khách quan.

- **Phương pháp tổng hợp** nhằm khái quát hoá thực trạng hoàn thiện pháp luật và thực tiễn hoạt động cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp.

- **Phương pháp hệ thống hóa** nhằm trình bày vấn đề và nội dung trong luận án theo trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ; có sự gắn kết, kế thừa và phát triển các vấn đề, các nội dung để đạt được mục đích, yêu cầu của luận án. Luận án hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, làm rõ nội hàm của pháp luật về nuôi con nuôi trong nước, được coi là nền tảng của các quy định pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi có YTNNg.

- **Phương pháp khảo cứu báo cáo, tài liệu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế** để nghiên cứu nhu cầu, xu hướng chung của hoạt động nuôi con nuôi quốc tế trên thế giới, tìm hiểu những vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoàn thiện

pháp luật trong nước. Từ đó tìm ra những tồn tại, hạn chế của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta và những biểu hiện lạm dụng trong cách thức thực hiện trái với chuẩn mực quốc tế trong thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi ở nước ta.

7. Đóng góp của đề tài

- Khóa luận sẽ góp phần bổ sung tri thức khoa học pháp lý quốc tế về nuôi con nuôi có YTNNg. Có những giải pháp tính tổng thể hoàn thiện pháp luật hiện nay về nuôi con nuôi nói chung, trong đó có nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là xây dựng Luật Nuôi con nuôi; Tích cực chuẩn bị mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để gia nhập Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Ngoài ra, có một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Tăng cường thẩm quyền của Cục Con nuôi – đáp ứng yêu cầu giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong việc nuôi con nuôi; Thành lập một số tổ chức con nuôi trong nước – cầu nối thuận lợi cho việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Các cơ quan chức năng, cá nhân có thẩm quyền cần thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong lĩnh vực nuôi con nuôi; Tuyên truyền rộng rãi, nâng cao hiểu biết về pháp luật nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng đến nhân dân.

8. Bố cục của đề tài:

- Khóa luận được trình bày theo bố cục gồm ba chương ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo như sau :

Chương 1 : Một số vấn đề lý luận chung về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Chương 2 : Thực tiễn vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam.

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

1. Khái niệm nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Theo đó, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú ở Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài trên cơ sở đó, Điều 28 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đã quy định rõ các trường hợp được coi là nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, bao gồm:
 - Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
 - Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh trong các trường hợp sau đây:
 - + Là cha dượng, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi;
 - + Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;
 - + Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi;
 - + Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi;
 - + Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.
 - Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.
 - Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam

Như vậy, theo quy định của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là việc nuôi con nuôi được thực hiện giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau cùng thường trú tại Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên hoặc cả hai bên định cư ở nước ngoài. Quy định này phù hợp với quy định của Công ước La Hay năm 1993, theo đó, việc nuôi con nuôi được thực hiện giữa một người hoặc hai người là vợ chồng cùng thường trú ở nước ngoài xin nhận một trẻ em thường trú ở nước khác làm con nuôi, có sự di chuyển trẻ em từ nước này sang nước khác, và thông lệ của một số nước trên thế giới coi việc nhận một trẻ em có quốc tịch khác làm con nuôi là nuôi con nuôi quốc tế.

Hiện nay, việc nuôi con nuôi rất phổ biến tuy nhiên việc đăng ký nuôi con nuôi thì rất ít được thực hiện. Hầu hết thì vấn đề về nuôi con nuôi đều làm theo cảm tính. Các chủ thể khi nhận con nuôi vẫn chưa thấy hết các quyền, nghĩa vụ của chính bản thân mình cũng như người được nhận làm con nuôi.

Cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đối với việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau trước ngày 01/01/2011, ngày Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực mà các chủ thể chưa đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được đăng ký trong thời hạn năm năm, kể từ ngày Luật Nuôi con nuôi năm 2010 có hiệu lực, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Các bên có đủ điều kiện về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi; đến thời điểm Luật Nuôi con nuôi năm 2010 có hiệu lực, quan hệ cha, mẹ và con vẫn đang tồn tại và cả hai bên còn sống.
- Giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhau như cha mẹ và con.

Đối với những trường hợp các bên có đăng ký việc nuôi con nuôi thì giữa người nhận nuôi và con nuôi phát sinh quan hệ cha mẹ và con trước pháp luật. Các quyền

và nghĩa vụ của cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và con nuôi được nhà nước ta công nhận và bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Một số đặc trưng cơ bản của pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Pháp luật điều chỉnh nuôi con nuôi yếu tố nước ngoài có những đặc trưng cơ bản sau:

+Thứ nhất, về đối tượng điều chỉnh: Đối tượng điều chỉnh của pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phức tạp bởi yếu tố nước ngoài. Yếu tố nước ngoài khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp khác nhau, có thể là chủ thể, pháp luật áp dụng, sự kiện pháp lý... Việc xác định đúng yếu tố nước ngoài rất quan trọng, nhằm xác định thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, giải quyết các tranh chấp phát sinh, xác định pháp luật cần áp dụng, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các bên.

+Thứ hai, về phương pháp điều chỉnh: Cũng như các quan hệ khác, quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cũng có hai phương pháp điều chỉnh đó là phương pháp xung đột và phương pháp thực chất. Phương pháp xung đột (hay còn gọi là phương pháp điều chỉnh gián tiếp) là phương pháp sử dụng quy phạm xung đột, không trực tiếp quy định quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài này sẽ được điều chỉnh như thế nào, mà chỉ ấn định việc lựa chọn quy định pháp luật nước nào cần được áp dụng để điều chỉnh quan hệ cụ thể đó. Quy phạm xung đột được ghi nhận cả trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, ví dụ Điều 30 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và Balan quy định “ Việc nhận nuôi con nuôi phải tuân theo pháp luật của nước mà người nhận nuôi là công dân”.

Phương pháp thực chất (hay còn gọi là phương pháp điều chỉnh trực tiếp) là phương pháp sử dụng quy phạm thực chất, quy định trực tiếp quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố

nước ngoài. Quy phạm thực chất cũng được quy định cả trong pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

+**Thứ ba**, pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài luôn gắn chặt với chính sách đối ngoại. Vì việc nuôi con nuôi mở rộng không gian lãnh thổ liên quan đến yếu tố chủ quyền quốc gia cũng như mối quan hệ về mặt tình cảm giữa người với người; việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn ảnh hưởng rất lớn đến chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, là quan hệ về mặt tình cảm song lại có ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị.

+**Thứ tư**, pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đề cao vấn đề nhân quyền, bảo vệ quyền con người trước hết là bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để bảo vệ lợi ích của trẻ, quán triệt tư tưởng nhân loại phải dành cho trẻ em cái tốt nhất. Điều 21 Công ước về quyền trẻ em quy định: “Các quốc gia thành viên công nhận hoặc cho phép chế độ nhận làm con nuôi phải đảm bảo rằng những lợi ích tốt nhất của đứa trẻ phải là quan tâm cao nhất...”. Phù hợp với tinh thần của Công ước, Luật HN & GD Việt Nam khẳng định, mục đích của việc nuôi con nuôi nhằm xây dựng tình cảm giữa người nuôi và con nuôi trong việc xác lập quan hệ cha mẹ và con cái, đảm bảo cho người được nhận làm con nuôi được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội” (Điều 67).

Tuy Việt Nam chưa tham gia Công ước Lahaye 1993, nhưng các quy định trong các văn bản pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã tiếp cận, cố gắng thể hiện tinh thần và phù hợp với yêu cầu của Công ước Lahay. Những quy định đều hướng tới bảo vệ tốt nhất lợi ích của trẻ em.

+**Thứ năm**, pháp luật điều chỉnh nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài điều chỉnh quan hệ cha mẹ - con không dựa trên cơ sở huyết thống với mục đích hình thành một gia đình mới giống như gia đình sinh thành của trẻ. Đây là quan hệ mang tính

đặc thù với có sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán... Yêu cầu đặt ra là sự điều chỉnh của pháp luật phải rõ ràng, chặt chẽ, cụ thể, cần có cơ chế phối hợp và bảo vệ giữa các nước có liên quan bằng Hiệp định song phương, đa phương. Mục đích cốt yếu là bảo đảm lợi ích của các bên, đặc biệt là của trẻ em.

3. Hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Những văn bản pháp luật quốc tế liên quan đến điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề nuôi con giữa công dân các nước ngày càng phát triển đòi hỏi sự quan tâm của chính phủ các nước. Pháp luật các quốc gia cũng như pháp luật quốc tế đều thống nhất công nhận rằng “Trẻ em do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời”. Do sự khác biệt về hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế xã hội, quy định riêng biệt về pháp luật từng nước nên xung đột pháp luật trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là điều không thể tránh khỏi. Để khắc phục điều đó trong quá trình hợp tác và phát triển, đã có khá nhiều điều ước quốc tế đa phương và song phương nhằm điều chỉnh kịp thời các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

Những văn bản pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi bao gồm:

Tuyên bố của Liên hợp quốc về các nguyên tắc xã hội và pháp lý liên quan đến việc bảo vệ và phúc lợi trẻ em, đặc biệt là thu xếp nuôi con nuôi ở trong và ngoài nước ; Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em; Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài.

Trong quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước được quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm của từng khâu liên quan đến hồ sơ của người xin nhận con và hồ sơ của trẻ em.

Hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi không ngừng được cải thiện mở rộng. Việc quy định nguyên tắc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi giữa Việt Nam và các nước khác. Nguyên tắc này là chìa khóa để mở rộng cánh cửa hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ.

4. Điều kiện được nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

Theo Luật nuôi con nuôi năm 2010 Điều 28. Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài:

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh trong các trường hợp sau đây:
 - a) Là cha đẻ, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi;
 - b) Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;
 - c) Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi;
 - d) Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi;
 - đ) Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.
3. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.
4. Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam.

5. Điều kiện của người xin con nuôi và của trẻ em được nhận làm con nuôi

- Công ước Lahay 1993 quy định trẻ em được nhận làm con nuôi và cha mẹ nuôi phải thường trú ở các nước khác nhau. Công ước không áp dụng đối với trường hợp

trẻ em thường trú ở một quốc gia thành viên và cha mẹ nuôi thường trú ở một quốc gia không phải là thành viên và ngược lại. (Công ước chỉ áp dụng giữa các quốc gia thành viên). Công ước chỉ áp dụng cho việc nuôi con nuôi với một cặp vợ chồng khác giới hoặc một người đã hoặc chưa kết hôn. Công ước chỉ áp dụng đối với trường hợp nuôi con nuôi làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con, không phụ thuộc vào việc quan hệ pháp lý của trẻ em với cha mẹ đẻ đã chấm dứt hay chưa. Công ước không áp dụng đối với trường hợp nuôi con nuôi đơn giản (về mặt hình thức) mà không phát sinh quan hệ giữa cha mẹ và con. Công ước chỉ áp dụng cho việc nuôi con nuôi đối với trẻ em dưới 18 tuổi.

6. Thấm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi ở Việt Nam

Nghị định số 19/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi

Điều 2. Thấm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi

- Đối với việc nuôi con nuôi nước ngoài, thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh), nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi quyết định cho người đó làm con nuôi; trường hợp trẻ em ở CSND được nhận làm con nuôi, thì UBND cấp tỉnh, nơi có trụ sở của CSND trẻ em quyết định cho trẻ em đó làm con nuôi. Sở Tư pháp thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi nước ngoài sau khi có quyết định của UBND cấp tỉnh.
- Đối với việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài, thì Cơ quan đại diện nơi tạm trú của người được nhận làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi; trường hợp cả hai bên tạm trú ở nước không có Cơ quan đại diện, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện nào thuận tiện nhất đối với họ.

7. Vai trò của pháp luật về nuôi con nuôi

- Nếu trước đây việc nuôi con nuôi được coi như một phương thức để đảm bảo sự nối dõi tông đường và duy trì sự phát triển tài sản của cha ông để lại thì ngày nay ý nghĩa xã hội của việc nuôi con nuôi đã thay đổi. Nuôi con nuôi không chỉ là một biện pháp phúc lợi cho trẻ em mà còn là một biện pháp xã hội và pháp lý bảo vệ trẻ em nhằm tạo ra mái ấm gia đình, sự yêu thương đùm bọc của cha mẹ nuôi để cứu giúp những trẻ em bất hạnh bị mồ côi, lang thang cơ nhỡ, cha mẹ bỏ rơi, không nơi nương tựa...

Pháp luật về nuôi con nuôi có vai trò quan trọng trong việc xác lập, điều chỉnh quan hệ gia đình được hình thành từ việc nuôi con nuôi, cụ thể:

- Sự điều chỉnh của pháp luật là nhằm định hướng, tạo khung pháp lý cơ bản cho việc nuôi con nuôi, để thực hiện một trong các quyền cơ bản của con người, đặc biệt là của trẻ em, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của xã hội và lợi ích chung của đất nước;

- Mục đích của việc nuôi con nuôi trong thực tế rất đa dạng. Sự điều chỉnh của pháp luật là cần thiết nhằm xác định rõ mục đích của việc nuôi con nuôi là xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa hai bên, bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên, mà trước hết là của trẻ em được nhận làm con nuôi;

- Pháp luật nuôi con nuôi xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi, làm cho các bên đặc biệt là bên người nhận nuôi con nuôi hiểu rõ được quyền và trách nhiệm của mình khi thiết lập quan hệ nuôi con nuôi Việt Nam. Quan hệ cha mẹ và con trong việc nhận nuôi con nuôi là quan hệ đặc thù, không gắn với huyết thống sinh học. Do đó, việc xác lập các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể bằng các quy phạm pháp luật là cần thiết nhằm tạo sự ổn định, bền vững trong gia đình, đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi;

- Pháp luật nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý để giải quyết có hiệu quả tình trạng trẻ em không có đủ điều kiện tốt trong gia đình để chúng được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần;
- Pháp luật nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát, điều chỉnh việc nuôi con nuôi; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi xâm phạm lợi ích của trẻ em được nhận nuôi hoặc hành vi lạm dụng việc nuôi con nuôi để thực hiện những mục đích trái pháp luật, trái đạo đức khác;
- Do quan hệ nuôi con nuôi bị chi phối trước hết bởi yếu tố tình cảm của chủ thể nên sự điều chỉnh của pháp luật có ý nghĩa quan trọng. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh có liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi, như: xác định họ tên, quyền thừa kế tài sản của người con nuôi, trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản do người con nuôi gây ra...

8. Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

- Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đem lại một gia đình ổn định cho trẻ em trong trường hợp không thể tìm được gia đình thích hợp cho trẻ em ngay tại nước mình. Việc trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài giảm gánh nặng cho các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em mà vẫn đảm bảo được lợi ích tốt nhất cho trẻ; mặt khác điều đó phù hợp với chính sách mở rộng quan hệ đối ngoại của nước ta, đáp ứng nhu cầu hội nhập và giao lưu quốc tế. Vì vậy, việc nuôi con nuôi có YTNNg cũng thể hiện mục đích nhân đạo cao đẹp, đáp ứng nhu cầu tình cảm của con người, dù khác nhau về ngôn ngữ, phong tục tập quán...
- *Đối với bản thân đứa trẻ*, việc được nhận làm con nuôi có ý nghĩa sâu sắc làm thay đổi cơ bản số phận của đứa trẻ. Đứa trẻ được làm con nuôi sẽ được sống trong môi trường gia đình thuận lợi để phát triển hài hoà về thể chất, nhân cách và tinh

thần với sự “ yêu thương, thông cảm” trong gia đình theo đúng nghĩa của nó. Đồng thời việc nuôi con nuôi tạo điều kiện cho trẻ được nhận nuôi có điều kiện sống tốt hơn, đặc biệt đối với đứa trẻ khuyết tật, có bệnh hiểm nghèo có điều kiện chữa trị phục hồi chức năng tốt hơn.

- *Đối với người nhận nuôi*, việc nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi đem lại cho người nhận nuôi một đứa con phù hợp với ý chí, nguyện vọng của mình và tăng cường được mối quan hệ gắn bó giữa họ với Việt Nam. Đó là những nguyện vọng chính đáng đối với những cặp vợ chồng vô sinh, với những người giàu lòng nhân ái... Như vậy nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là phương thức thực hiện quyền làm cha mẹ, làm con cái một cách hợp pháp, qua đó kết hợp hài hòa lợi ích của các bên: người nhận nuôi và người được nhận nuôi.

9. Công ước LaHay 1993 hợp tác quốc tế về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi

9.1 Khái quát chung về công ước Lahay 1993

- Năm 1965, Ủy ban Công ước Lahay đã tiến hành thảo luận với một số quốc gia và thông qua Công ước năm 1965 quy định về thẩm quyền, luật áp dụng và việc công nhận các văn bản pháp luật liên quan đến con nuôi. Việc thông qua Công ước 1965 đã góp phần quan trọng giải quyết vấn đề nuôi con nuôi giữa các nước, thống nhất về nguyên tắc giải quyết nuôi con nuôi. Đây cũng là Công ước đầu tiên của Liên Hợp Quốc trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi giữa các nước. Trong hơn 20 năm kể từ ngày Công ước 1965 được thông qua, hàng triệu trẻ em đã tìm được mái ấm, được chăm sóc và yêu thương trong môi trường gia đình, được học hành và quan trọng nhất là quyền của những trẻ em này được các quốc gia thành viên công nhận và đảm bảo thực hiện. Tuy nhiên, vì là Công ước đầu tiên trong lĩnh vực rất quan trọng mang tính toàn cầu, trong quá trình soạn thảo còn nhiều điểm chưa đạt được sự đồng thuận cao của các quốc gia thành viên

đặc biệt là các Nước gốc (là nước cho nhận con nuôi) và kết quả là số lượng các quốc gia thành viên tham gia không đông. Sau một thời gian thực hiện, Công ước Lahay 1965 đã thể hiện nhiều điểm bất cập. Bên cạnh đó, vào những năm cuối của thập kỷ bảy mươi của thế kỷ 20, khi có hiện tượng nhiều trẻ em ở một số nước nghèo đã bị mang ra nước ngoài bán dưới hình thức con nuôi. Xuất phát từ tình hình thực tế đã diễn ra ở một số quốc gia trong đó có nhiều trẻ em không được bảo vệ, thậm chí bị coi như một món hàng buôn bán từ quốc gia này sang quốc gia khác phục vụ cho nhiều mục đích thông qua sự trung gian của một số tổ chức hay cá nhân, vấn đề con nuôi quốc tế đang từ chỗ là một biện pháp mang tính phúc lợi xã hội và nhân đạo nhằm giúp trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt đã bị lợi dụng, trong nhiều trường hợp thành một hoạt động mang tính vụ lợi trong đó trẻ em bị coi là một thứ hàng hóa bị mua đi bán lại. Trước thực trạng đó, Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế bao gồm 37 nước tham gia, hoạt động với mục đích *“thống nhất hóa tiến bộ những quy phạm của tư pháp quốc tế”*, tại kỳ họp lần thứ XXII Hội nghị LaHay (từ 10 – 29/5/1993), các đại biểu của 66 nước tham gia, trong đó có Việt Nam (Việt Nam tham gia với tư cách là khách mời của nước chủ nhà Hà Lan) đã nhất trí thông qua và ký văn kiện cuối cùng về nội dung công ước Lahay về Bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực con nuôi. Công ước Lahay số 33 về Bảo vệ trẻ em và hợp tác giữa các nước về nuôi con nuôi nước ngoài đã được thông qua ngày 29/5/1993 và có hiệu lực từ ngày 1/5/1995 (Gọi là công ước Lahay 1993). Hiện Công ước có sự tham gia của 75 quốc gia thành viên. Đây là một Công ước mở, theo đó bất kì một quốc gia nào cũng có thể trở thành thành viên của Công ước với điều kiện đại diện của quốc gia đó đã tham dự ít nhất hai kì họp của Hội nghị Lahay và có đơn xin trở thành thành viên của Công ước. Công ước Lahay 1993 là một tài liệu pháp lý quan trọng cho trẻ em, gia đình sinh ra các em và những người nhận con nuôi nước ngoài. Công ước quy định các nghĩa vụ của các cơ quan có

thâm quyền của nước cho con nuôi và các nước nhận con nuôi. Công ước này nhằm đảm bảo tính đạo đức mà minh bạch của quá trình cho và nhận con nuôi. Việc tham gia Công ước Lahay 1993 sẽ mang lại những lợi ích tích cực cho các quốc gia thành viên. Xem xét lợi ích kinh tế của việc tham gia Công ước về một lĩnh vực chủ yếu mang tính chất xã hội như nuôi con nuôi quốc tế dường như là điều không tưởng. Mặc dù Công ước không mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho các bên trong quan hệ nuôi con nuôi quốc tế, nhưng có thể tìm thấy những lợi ích nhất định cho các quốc gia thành viên: đó là với một chi phí nhỏ cho việc đáp ứng các yêu cầu cần thiết của việc tham gia, quốc gia thành viên có thể tiết kiệm một khoản kinh phí lớn cho việc tạo dựng khuôn khổ pháp lý quốc tế khá hoàn thiện và có phạm vi ảnh hưởng rộng hiệu chỉnh lĩnh vực này - ví như tiết kiệm kinh phí trong đàm phán, ký kết từng điều ước song phương đơn lẻ. Lợi ích về khía cạnh xã hội là thực sự nổi bật khi xem xét việc tham gia Công ước La hay 1993. Cụ thể là việc gia nhập Công ước La hay 1993 sẽ giúp tạo dựng một cách tốt nhất cuộc sống riêng (về vật chất lẫn tinh thần) của những đứa trẻ gặp phải hoàn cảnh khó khăn (như tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, mắc bệnh hiểm nghèo...). Cũng không thể không nhắc đến khía cạnh bảo vệ quyền con người từ việc gia nhập Công ước. Quyền con người là một vấn đề mang tính trọng yếu, được đề cao trên phạm vi toàn cầu. Như thế, việc đảm bảo cho những đứa trẻ có được điều kiện sống tốt, có được nơi che chở, giáo dục cũng là một đòi hỏi thiết yếu của quyền con người. Tham gia Công ước - với một khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hợp lý - sẽ góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ quyền con người.

9.2 Nội dung cơ bản của Công ước Lahay 1993

- Công ước Lahay 1993 gồm Lời nói đầu, 7 chương, 48 điều, với các nội dung chính quy định về các vấn đề như điều kiện nhận nuôi con nuôi giữa các nước; Cơ quan Trung ương có thẩm quyền và các tổ chức được chỉ định hoạt động trong lĩnh

vực nuôi con nuôi; Yêu cầu về thủ tục cho và nhận con nuôi nước ngoài; Công nhận việc nuôi con nuôi và hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi; Những quy định chung nhất áp dụng cho mọi quốc gia thành viên (đặc biệt với những nước có thể chế liên bang hoặc chính trị đặc biệt).

9.3 Những nguyên tắc cơ bản của Công ước Lahay 1993

Công ước Lahay 1993 có những nguyên tắc cơ bản sau đây (là những nguyên tắc có giá trị bắt buộc – *jus cogens* – đối với mọi quốc gia thành viên; pháp luật trong nước không được trái với những nguyên tắc này):

- Bất cứ biện pháp nào tiến hành để bảo vệ trẻ em phải vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em.
- Tôn trọng quyền ưu tiên của trẻ em là được cha mẹ đẻ chăm sóc.
- Nếu trẻ em vì một lý do nào đó mà không được cha mẹ đẻ chăm sóc, thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm bảo vệ trẻ em, phải xem xét tất cả những giải pháp chăm sóc lâu dài khác nhau để giúp trẻ em có mái ấm gia đình, kể cả bằng những biện pháp thay thế như con nuôi, giám hộ hoặc được chăm sóc ở trung tâm nuôi dưỡng.
- Việc nuôi con nuôi phải làm phát sinh quan hệ lâu dài giữa cha mẹ và con. - Chỉ cho phép việc nhận nuôi trẻ em ngoài gia đình ruột thịt của các em khi không thể tìm thấy một nơi phù hợp.
- Ưu tiên cho trẻ em làm con nuôi trong nước, việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài phải là giải pháp cuối cùng sau khi đã chắc chắn không thể tìm được gia đình thay thế ở Nước gốc của trẻ.
- Không được coi việc nuôi con nuôi là một nguồn thu lợi bất minh, việc lạm dụng và buôn bán trẻ em cần được xử lý nghiêm minh.

Như vậy Công ước Lahay 1993 đã đề cập đến hàng loạt các nguyên tắc nhằm bảo vệ trẻ em và bảo đảm các quyền, lợi ích tốt nhất cho trẻ em, kể cả việc nuôi con

nuôi. Đây là những nguyên tắc quan trọng, có tính quyết định đối với việc nuôi con nuôi nước ngoài có được công nhận hay không. Bởi nếu quyết định cho nuôi con nuôi không được công nhận ở nước ngoài, thì việc tạo ra cơ chế bảo vệ trẻ em và hình thành hệ thống hợp tác giữa các nước sẽ không có tác dụng gì. Do đó, mục tiêu của Công ước không chỉ đơn thuần là “thúc đẩy” mà còn là “đảm bảo” cho việc công nhận nuôi con nuôi đó. Vấn đề quốc tịch của các bên cũng không được coi là cơ sở để quyết định phạm vi áp dụng của Công ước, không phải là rào cản trong vấn đề nuôi con nuôi giữa các nước.

9.4 Thành lập Cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế

- Công ước Lahay 1993 có yêu cầu các quốc gia thành viên phải lập một cơ quan có thẩm quyền ở cấp Trung ương về vấn đề con nuôi quốc tế, cả ở Nước nhận và Nước gốc, nhằm tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin và giải quyết các vấn đề phát sinh. Đây là quy định bắt buộc, giống như mô hình của một loạt Công ước đa phương khác về tư pháp quốc tế (Như Công ước Lahay ngày 15/11/1965 về tổng đạt các giấy tờ pháp lý ở nước ngoài; Công ước Lahay ngày 18/03/1970 về việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại; Công ước Lahay ngày 25/10/1980 về các khía cạnh dân sự của việc bắt cóc trẻ em; Công ước châu Âu ngày 20/05/1980 về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến việc giám hộ và phục hồi giám hộ trẻ em; Công ước liên Mỹ ngày 14/07/1989 về việc hồi hương trẻ em).

Cơ quan Trung ương có những nhiệm vụ chính sau:

- Áp dụng trực tiếp hoặc dưới sự giúp đỡ của cơ quan công quyền tất cả các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa việc thu lợi bất chính từ việc nuôi con nuôi và ngăn ngừa tất cả các vụ việc trái với mục đích của Công ước.

- Thu thập, lưu trữ và trao đổi những thông tin liên quan đến tình trạng của trẻ em và của cha mẹ nuôi tương lai, trong chừng mực cần thiết nhằm thực hiện việc nuôi con nuôi.

- Tạo điều kiện thuận lợi theo dõi và thúc đẩy thủ tục cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài ở các nước.

- Thúc đẩy việc phát triển ở quốc gia mình các dịch vụ tham vấn về vấn đề cho nhận con nuôi và sau khi nhận nuôi.
- Trao đổi các báo cáo tổng quát đánh giá kinh nghiệm về lĩnh vực con nuôi nước ngoài.
- Đáp ứng đề nghị có tính chất thông tin của các Cơ quan Trung ương có thẩm quyền khác hoặc của các cơ quan công quyền về một tình trạng con nuôi cụ thể, trong phạm vi mà pháp luật quốc gia đó cho phép.

9.5 Tổ chức được chỉ định hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Phù hợp với pháp luật và thực tiễn của mỗi nước, Công ước yêu cầu thành lập tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi (tổ chức được chỉ định hoặc tổ chức được ủy quyền). Tổ chức này có nhiệm vụ:

- Theo đuổi mục đích phi lợi nhuận, trên cơ sở những điều kiện và trong giới hạn đã được các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó cho phép.

- Được đặt dưới sự lãnh đạo và điều hành của những người đủ tiêu chuẩn về đạo đức, đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm để làm trong lĩnh vực con nuôi quốc tế.

- Chịu sự giám sát của những nhà chức trách quốc gia có thẩm quyền về cơ cấu, hoạt động, tình trạng tài chính.

- Chỉ có thể hoạt động ở một quốc gia kí kết khác, nếu được nhà chức trách có thẩm quyền của cả hai quốc gia cho phép.

9.6 Trình tự, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi

- Công ước đưa ra một số quy trình về thủ tục giải quyết việc cho và nhận con nuôi theo chuẩn mực quốc tế, góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, đặc biệt

là của trẻ em, cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi. Qua đó, Công ước góp phần làm đơn giản hóa thủ tục hiện hành ở các nước thành viên. Công ước quy định người thường trú ở một quốc gia thành viên (Nước nhận) muốn xin nhận một trẻ em ở một quốc gia thành viên khác (Nước gốc), thì phải liên hệ với cơ quan Trung ương có thẩm quyền của Nước nhận. Đây là quy định có tính bắt buộc. Tuy nhiên, đơn xin phép nuôi con nuôi không nhất thiết phải nộp tại Cơ quan Trung ương mà có thể nộp tại cơ quan nhà nước khác hoặc một tổ chức được chỉ định ở Nước nhận, nếu pháp luật cho phép. Công ước nghiêm cấm việc cha mẹ nuôi tiếp xúc với trẻ em, trước khi hoàn thành thủ tục cho nhận con nuôi. Đồng thời, Công ước không cho phép việc cha mẹ nuôi được nộp đơn trực tiếp cho Cơ quan Trung ương hoặc bất cứ cơ quan nhà nước khác hoặc cho một tổ chức được chỉ định của Nước gốc, trừ trường hợp được pháp luật nước này cho phép.

9.7 Hệ quả của việc nuôi con nuôi

- Việc chấm dứt quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và trẻ em là một trong những yêu cầu được Công ước quy định tại khoản 1c Điều 26. Mục đích là để đảm bảo trẻ em được nhận làm con nuôi theo hình thức trọn vẹn, có địa vị pháp lý và được bảo vệ như bất kỳ trẻ em nào của nước nhận. Tuy nhiên, việc chấm dứt quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và trẻ em cũng không phải là giải pháp chắc chắn, vì vẫn bao gồm trường hợp đặc biệt, khi việc nuôi con nuôi bị hủy. Đồng thời, Công ước còn đề cập đến việc chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi. Đó là việc cho phép chuyển đổi từ hình thức nuôi con nuôi đơn giản (không làm chấm dứt quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và trẻ em theo pháp luật Nước gốc) thành hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn (làm chấm dứt quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và trẻ em theo pháp luật Nước nhận). Theo đó, có hai điều kiện đặt ra đối với việc chuyển đổi: là Pháp luật Nước nhận cho phép; và sự đồng ý cho trẻ em làm con nuôi đã được đưa ra vì mục đích như vậy. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sẽ không diễn ra, nếu pháp luật của Nước gốc

không chấp nhận việc chuyển đổi này hoặc pháp luật của Nước nhận không quy định hệ quả làm chấm dứt quan hệ cha mẹ và con.

10. Những yêu cầu từ việc gia nhập và thực hiện Công ước Lahay 1993

10.1 Cơ quan Trung ương về con nuôi nước ngoài

- Nước gốc được coi là “đầu ra” của quá trình giải quyết cho trẻ em làm con nuôi. Vì vậy, để bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em, Công ước yêu cầu Cơ quan Trung ương của nước gốc phải xem xét kỹ lưỡng các khả năng chăm sóc trẻ em tại quốc gia mình (về các điều kiện vật chất và tinh thần). Việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài chỉ được coi là biện pháp cuối cùng trong số các biện pháp chăm sóc thay thế. Để thực hiện nhiệm vụ này, Cơ quan Trung ương phải đủ mạnh về các mặt thẩm quyền, nhân lực và cơ sở vật chất. Theo kinh nghiệm của các Nước gốc, Cơ quan Trung ương thường ra quyết định cuối cùng đối với việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Các cơ quan nhà nước khác (như cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan lãnh sự, cơ quan chức năng ở địa phương...) chỉ giúp đỡ, phối hợp với Cơ quan Trung ương.

10.2 Cho phép các tổ chức được ủy quyền hoạt động

- Để thực hiện những yêu cầu của Công ước, Cơ quan Trung ương có thể ủy nhiệm cho các cơ quan công quyền hoặc các tổ chức được chỉ định khác. Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên thúc đẩy việc phát triển ở quốc gia mình các dịch vụ tham vấn về vấn đề cho nhận con nuôi và sau khi nhận con nuôi, đây chính là yêu cầu “*xã hội hóa*” vấn đề con nuôi quốc tế. Công ước quy định: “*Các cơ quan Trung ương có thẩm quyền phải áp dụng trực tiếp hoặc với sự giúp đỡ của các cơ quan công quyền hay các tổ chức được quy định ở quốc gia mình tất cả các biện pháp thích hợp, đặc biệt là để...thúc đẩy việc phát triển ở quốc gia mình các dịch vụ tham vấn về vấn đề cho nhận con nuôi và sau khi nhận con nuôi*” “Công ước Lahay 1993, Điều 9”. Đối với Nước gốc, tổ chức được ủy quyền được coi là “*cánh*

tay nối dài" của Cơ quan Trung ương tới các "nguồn" cung cấp trẻ em được cho làm con nuôi. Với đặc thù và thành phần tham gia và địa bàn hoạt động của mình, các tổ chức được ủy quyền sẽ cung cấp cho Cơ quan Trung ương thông tin về nguồn gốc, môi trường gia đình, xã hội, tình trạng sức khỏe của trẻ em, điều mà Cơ quan Trung ương không thể hoặc khó thực hiện. Căn cứ vào thông tin do các tổ chức được ủy quyền cung cấp, Cơ quan Trung ương sẽ đánh giá điều kiện nuôi dưỡng trẻ em, các điều kiện về chủng tộc, tôn giáo và văn hóa của các em. Kết hợp với các thông tin về cha mẹ nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nhà Nước nhận cung cấp, Cơ quan Trung ương sẽ xem xét để xác định việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài có phải là cách tốt nhất đáp ứng lợi ích của các em hay không. Như vậy trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, tổ chức được ủy quyền chịu trách nhiệm chính trong việc cung cấp thông tin về trẻ em để Cơ quan Trung ương có cơ sở thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận. Để có được các thông tin cần thiết về trẻ em được làm con nuôi người nước ngoài, tổ chức được ủy quyền phải tiến hành các hoạt động thẩm tra, phân tích và đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan, trong đó chủ yếu là vấn đề xác định rõ nguồn gốc, sức khỏe và điều kiện nuôi dưỡng trẻ em tại Nước gốc. Việc cho phép các tổ chức được ủy quyền hoạt động trong nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi là cần thiết. Một mặt, tổ chức này sẽ giúp Cơ quan Trung ương thực hiện một số chức năng theo yêu cầu của Công ước, mặt khác, tổ chức sẽ thực hiện các hoạt động mà Cơ quan Trung ương không thể thực hiện được. Điều 10 Công ước quy định *“chỉ những tổ chức chứng tỏ được khả năng thực hiện được một cách phù hợp những nhiệm vụ có thể được giao phó cho họ mới được ủy quyền và duy trì sự ủy quyền đó”* “Công ước Lahay 1993, Điều 10”.

10.3 Minh bạch hóa các khoản tài chính liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi

- Tài chính là yếu tố vật chất quan trọng, nhưng cũng khá nhạy cảm trong các hoạt động xin nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài. Vấn đề này được Công ước quy định *“không ai được thu lợi bất chính từ các hoạt động liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi nước ngoài”* “Công ước Lahay 1993, Khoản 1, điều 32”. Minh bạch hóa các khoản tài chính là một yêu cầu tất yếu nhằm ngăn chặn việc buôn bán trẻ em, ngăn chặn việc thu lợi bất chính từ các hoạt động liên quan đến nuôi con nuôi như đã được nói tới tại Lời nói đầu của Công ước: *“Các quốc gia thành viên Công ước...tin tưởng vào sự cần thiết phải áp dụng những biện pháp nhằm bảo đảm để thực hiện việc nuôi con nuôi nước ngoài vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em và để ngăn chặn việc bắt cóc và buôn bán trẻ em”* “Công ước Lahay 1993”. Mục đích này còn được nhấn mạnh tại điểm b, Điều 1 Công ước: *“...thiết lập một hệ thống hợp tác giữa các quốc gia kí kết... để ngăn ngừa... việc buôn bán trẻ em”; điều 8 Công ước; “...ngăn ngừa những lợi nhuận bất chính từ vấn đề nuôi con nuôi...”*; khoản 1 điều 32 Công ước:

1. Không ai được thu tiền hay lợi ích bất chính từ một hoạt động liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi nước ngoài” “Công ước Lahay 1993”. Như vậy, tuy không trực tiếp quy định thành một chế định độc lập nhưng tinh thần chung của Công ước là yêu cầu các quốc gia thành viên cố gắng giải quyết vấn đề tài chính liên quan đến việc nuôi con nuôi một cách minh bạch, rõ ràng, nhằm ngăn chặn và phải xử lý việc buôn bán trẻ em, trục lợi hay bất kỳ một hành vi thu lợi bất hợp pháp từ việc nuôi con nuôi. ***Điều 32 Công ước quy định như sau:***

“ 1. Không ai được thu tiền hay lợi ích bất chính từ một hoạt động liên quan đến vấn đề con nuôi nước ngoài.”

2. Chỉ có thể chi trả những phí tổn và chi phí bao gồm cả lệ phí chuyên môn vừa phải cho những người có liên quan vào việc nuôi con nuôi.

3. Những người lãnh đạo, người quản lý và nhân viên của những tổ chức có liên quan đến vấn đề con nuôi không được nhận thù lao cao hơn một cách bất hợp lý với công việc họ đã làm”. Như vậy, Công ước chỉ cấm thu tiền hoặc thu lợi ích bất chính. Do đó, mọi khoản thu hợp lý và hợp pháp đều được phép, đó là: lệ phí đăng kí việc nuôi con nuôi (lệ phí hộ tịch); các chi phí trực tiếp và gián tiếp, phí chuyên môn vừa phải cho những người có liên quan (tổ chức được ủy quyền, công chứng viên...); phí tiếp nhận, thụ lý, thẩm tra hồ sơ, xác minh, giám định, khám sức khỏe, xác nhận y tế... Mặt khác, do Công ước không cấm, nên thực tế ở các Nước gốc cho thấy, những khoản hỗ trợ tài chính nhân đạo của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho cơ sở nuôi dưỡng trẻ em là rất đáng kể. Điều 32, Công ước không đưa ra chế tài cho hành vi thu lợi bất chính từ những hoạt động liên quan đến những vấn đề con nuôi nước ngoài, tuy nhiên, xét trong mối quan hệ với Điều 23 và Điều 24 Công ước, thì hành vi trên có thể dẫn đến sự từ chối công nhận pháp lý của việc xin nhận con nuôi được tiến hành ở Nước gốc. Cần lưu rằng, các khoản tài chính phát sinh trong quá trình cho nhận con nuôi tại Nước gốc không phải là "giá" mà cha mẹ nuôi phải trả để có được con nuôi. Đó chỉ là các khoản tiền được chi trả cho những người có liên quan trong quá trình cho nhận con nuôi. Hầu hết người xin nhận con nuôi thường xa lạ với người Nước gốc, do vậy, họ phải trả tiền để được cung cấp các dịch vụ tham vấn các vấn đề về con nuôi nước ngoài. Thực tế cho thấy, tại Nước gốc, không chỉ các chủ thể cung cấp dịch vụ tham vấn, mà thậm chí cả các luật sư, công chứng viên, công chức, các thẩm phán cũng bị “hấp dẫn” bởi các khoản lợi bất chính thu từ người xin nhận con nuôi. Do vậy, Công ước không cho phép các chủ thể liên quan nhận thù lao cao hơn một cách bất hợp lý với công việc mà họ đã làm. *Những yêu cầu đối với việc minh bạch hóa tài chính trong lĩnh vực con nuôi quốc tế:*

- Các khoản tài chính chỉ được ấn định ở mức hợp lý, căn cứ vào yêu cầu thực tế của quá trình giải quyết việc cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài. Trên phương diện Nước gốc, các khoản chi cần được xác định trên cơ sở các loại phí thông thường tại đó, không cao hơn một cách bất hợp lý so với các phí tổn thực tế. Cần tính đến khả năng chi trả của hầu hết người xin nhận con nuôi, chứ không phải chỉ dành cho người giàu.

- Khi ấn định các khoản tài chính mà người xin nhận con nuôi phải đóng góp, cần khảo mức tối đa của các nước có cùng điều kiện kinh tế - xã hội, bảo đảm không có sự chênh lệch quá lớn. Trên thực tế, có những quốc gia ấn định mức phí quá cao, làm cho người xin nhận con nuôi nghi ngờ, muốn được điều tra vì sao lại có mức phí đó và vì sao có sự chênh lệch quá lớn giữa các quốc gia.

- Các khoản phí phải được liệt kê một cách chi tiết, rõ ràng. Người xin nhận con nuôi cần biết trước các khoản phí họ phải chi trả khi đến Nước gốc. Khi đến Nước gốc hoàn tất thủ tục xin nhận con nuôi, người xin nhận con nuôi không thể gặp rắc rối vì thiếu tiền do không biết trước các khoản phí phát sinh.

- Cần quy định rõ chế độ sử dụng hợp lý các khoản tài chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Một chính sách tài chính rõ ràng sẽ giúp người xin nhận con nuôi an tâm về giá trị của khoản tiền mà họ đã phải bỏ ra.

Kết luận chương I

Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, theo đó nuôi con nuôi có YTNNg là một sự kiện hộ tịch, làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; việc nuôi con nuôi phải tuân thủ các nguyên tắc giải quyết theo đó lợi ích tốt nhất của trẻ em phải đặt lên hàng đầu.

Điểm khác biệt giữa pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài chính là chủ thể nhận con nuôi (người nhận con nuôi), hệ quả của việc nuôi con nuôi. Tuy nhiên, trong xu hướng quốc tế hóa sâu rộng, nuôi con nuôi trong nước cũng dần xuất hiện những yếu tố nước ngoài (có thể phát sinh sau khi nhận con nuôi). Đây cũng là một vấn đề mới mà các nước đang phải đối diện và Hội nghị tư pháp La Hay đang nghiên cứu hướng giải quyết.

Một hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài hoàn thiện phải là một hệ thống bao gồm các quy định pháp luật phù hợp với Công ước La Hay 1993; bảo đảm quyền của các chủ thể có liên quan bao gồm người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ và trẻ em được nhận làm con nuôi; đồng thời ngăn chặn và phòng ngừa việc mua bán, bắt cóc trẻ em và thu lợi bất chính từ hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế.

Chương 2: THỰC TIỄN VẤN ĐỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta trước khi có pháp luật về nuôi con nuôi (trước năm 1993)

- Có thể chia làm 3 giai đoạn : trước năm 1945, từ năm 1945-1959, từ 1959 – 1986

a. Trước năm 1945

- Trước năm 1945 pháp luật nước ta từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX tiêu biểu là 2 bộ luật đó là: Quốc triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức, được ban hành dưới triều lê) và Hoàng Việt luật lệ (còn được gọi là bộ luật Gia Long được ban hành dưới triều Nguyễn).

- Hai bộ luật này quy định khá cụ thể về việc điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi trong thời kỳ đó. Thể hiện rõ nét phong tục, tập quán truyền thống của người Việt Nam về gia đình. Song các bộ luật này cũng không tránh được sự hạn chế của chế độ phong kiến đang suy tàn, xu hướng duy trì chế độ phụ hệ vững chắc, triệt tiêu sự bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con nuôi và con đẻ

- Dưới thời Pháp thuộc, đất nước ta bị chia làm ba kỳ là Bắc kỳ, Trung Kỳ, Nam kỳ. Sau khi xâm lược Việt Nam và đặt ách đô hộ ở Nam kì, thực dân Pháp đã ban hành Bộ dân Luật giản yếu Nam kỳ áp dụng ở Nam kỳ và ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. Bộ dân Luật Bắc kỳ được ban hành vào ngày 30/3/1931 theo nghị định của đồng sứ Bắc kì để thi hành trên toàn bộ Bắc kì từ ngày 01/07/1931 thay cho bộ luật Gia Long Hoàng Việt. Trung kì bộ luật được ban hành vào năm 1939 thi hành trên toàn Trung kỳ. Về quan hệ gia đình, các bộ luật này đã quy định về vấn đề nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con theo mô hình phương Tây. Song pháp luật dân sự thời kỳ này có những mặt hạn chế nhất định đó là gia đình vẫn mang nặng tư tưởng phong kiến, trọng nam khinh nữ, nhiều quy định về nghĩa vụ của con còn rất khác nhau.

- Tuy nhiên, mặc dù tất cả các bộ luật trên đều đã quy định về vấn đề nuôi con nuôi nhưng chưa hề có bộ luật nào quy định về vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

b. Từ năm 1945 đến năm 1959

- Ngay từ khi ra đời nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa, đã quan tâm và coi trọng việc xây dựng hệ thống pháp luật nhằm củng cố và bảo vệ thành quả của cách mạng. Tuy chưa có văn bản riêng điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nhưng vấn đề này được quy định vào một số văn bản khác, như trong Sắc lệnh số 53/ SL ngày 20/10/1945 về quốc tịch Việt Nam. Hiến pháp 1959 là cơ sở pháp lý quan trọng để điều chỉnh quan hệ gia đình trong thời kỳ này, tuy nhiên vẫn chưa có quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Pháp luật trong nước về quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài còn hết sức đơn giản, chưa tập hợp thành hệ thống. Nhà nước ta chủ trương chưa ban hành pháp luật riêng để điều chỉnh trực tiếp quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài mà chỉ điều chỉnh quan hệ trong nước theo Hiến Pháp 1946.

- Quan hệ hợp tác giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với các nước chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa ở giai đoạn này mới bắt đầu được kiến lập và được củng cố. Trong bối cảnh đó, các mối quan hệ có yếu tố nước ngoài bắt được phát sinh, đòi hỏi được pháp luật điều chỉnh, tuy nhiên vấn đề quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài chưa là yêu cầu nhất thiết.

c. Từ năm 1959 đến năm 1986

- Trong thời kỳ này, bản hiến pháp mới của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được Quốc Hội thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày 31/12/1959, tiếp tục ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ (Điều 24). Xuất phát từ tình hình thực tế của quan hệ gia đình trong thời kỳ mới. Luật hôn nhân và gia đình đã được Quốc hội

thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày 29/12/1959, Luật đã điều chỉnh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con. Tuy nhiên, luật Hôn nhân và Gia đình 1959 không có quy phạm điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Ở Miền Bắc, chính phủ đã ban hành Nghị định số 04 ngày 16/01/1961 kèm theo điều lệ và đăng ký hộ tịch. Ngày 21/06/1961, Bộ Nội vụ đã ban hành thông tư số 05/NV hướng dẫn thi hành điều lệ về đăng ký hộ tịch nói trên. Tuy nhiên, trong văn bản pháp luật này chưa quy định về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là vấn đề nuôi con nuôi. Trong giai đoạn này một số ít trường hợp người nước ngoài nhận trẻ em nhưng không có pháp luật điều chỉnh.

Diễn hình về vấn đề người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi là chiến dịch Babylist năm 1975 (hay còn gọi là chiến dịch Không vận). Nhưng các trẻ em được nhận nuôi trong chiến dịch này không có sự điều chỉnh của pháp luật, nhiều thông tin của trẻ em không được ghi nhận và mất tung tích

Đến năm 1986, luật hôn nhân và gia đình 1986 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VII, kỳ họp thứ 12, thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1986 có 57 điều và cũng có điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, nhưng vấn đề nuôi con nuôi vẫn chưa có quy định.

2. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta sau khi có pháp luật về nuôi con nuôi điều chỉnh.

a. Giai đoạn năm 1993- 2010

- Vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bắt đầu có quy phạm điều chỉnh khi Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá IX) thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1993.

Căn cứ theo điều 16, Pháp lệnh Hôn nhân và Gia đình 1993 quy định về điều kiện nhận nuôi con nuôi:

1- Việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài phải tuân theo quy định tại các Điều 34, 35 và 36 của Luật Hôn nhân và gia đình 1986.

Người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi phải có các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo pháp luật của nước mà người đó là công dân;
- b) Có tư cách đạo đức tốt và chưa hề bị tước quyền làm cha, mẹ;
- c) Có sức khỏe và khả năng kinh tế bảo đảm việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con nuôi;
- d) Được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân xác nhận có đủ điều kiện nuôi con nuôi và việc nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi được pháp luật nước họ công nhận.

Khi nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, người nước ngoài phải cam kết định kỳ thông báo cho cơ quan Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 17 của Pháp lệnh này về tình trạng phát triển của con nuôi cho đến khi con nuôi đủ 18 tuổi.

Chính phủ quy định thủ tục về việc người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

- Quyền và nghĩa vụ của người nuôi con nuôi, việc chấm dứt nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà người nuôi là công dân; nếu cha mẹ nuôi có quốc tịch khác nhau, thì áp dụng pháp luật của nước nơi thường trú của con nuôi.

Trong trường hợp pháp luật Việt Nam được áp dụng theo quy định tại đoạn 1 khoản này, cũng như trong trường hợp việc nuôi con nuôi được thực hiện tại Việt Nam, thì quyền và nghĩa vụ của người nuôi và con nuôi, việc chấm dứt nuôi con

nuôi được xác định theo quy định tại các điều từ Điều 19 đến Điều 27 và Điều 39 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Việc công dân Việt Nam nuôi con nuôi là người nước ngoài đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được công nhận tại Việt Nam

Và Điều 17, *Pháp lệnh Hôn Nhân và Gia đình 1993 quy định về thẩm quyền đăng ký cho việc nhận nuôi con nuôi như sau:*

1- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú của công dân Việt Nam có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Trong trường hợp con nuôi là công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, thì Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi đó, nếu việc đăng ký không trái với pháp luật của nước tiếp nhận; việc đăng ký được thực hiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tư pháp Việt Nam đối với từng trường hợp.

2- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú của công dân Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp liên quan đến việc cho và nhận con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; trong trường hợp con nuôi là công dân Việt Nam và không còn thường trú tại Việt Nam, thì thẩm quyền thuộc Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú cuối cùng tại Việt Nam của người đó.

3- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú của con nuôi có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa người nuôi và con nuôi.

Sau Pháp lệnh Hôn nhân và Gia đình 1993, thì ban hành Nghị định số 184/CP ngày 30 tháng 11 năm 1994 của Chính phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài

giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 184/CP);

Thông tư số 503-LB/TT ngày 25 tháng 5 năm 1995 của Liên Bộ Tư pháp - Ngoại giao - Nội vụ hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 184/CP ngày 30 tháng 11 năm 1994 của Chính phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư số 503-LB/TT);

Qua thực tiễn áp dụng Thông tư số 503-TT/LB và theo Nghị định của Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Hội nghị tập huấn các tỉnh phía Nam và các tỉnh phía Bắc tháng 6 và tháng 7 năm 1995;

Việc đăng ký nuôi con nuôi giữa người nuôi là người nước ngoài và con nuôi là công dân Việt Nam: Về việc xác định nơi thường trú của trẻ em, đối với trẻ em đang sinh sống cùng cha, mẹ, ông bà, họ hàng v.v... hoặc được những người này đưa vào cơ sở nuôi dưỡng có hạn, thì phải căn cứ vào nơi đăng ký nhân khẩu thường trú; đối với trẻ em bị bỏ rơi, bị mồ côi, bị tàn tật sinh sống không có thời hạn ở cơ sở nuôi dưỡng, thì căn cứ vào Bộ Tư Pháp có cơ sở nuôi dưỡng đó; đối với trẻ em sơ sinh bị bỏ lại ở cơ sở y tế, thì căn cứ vào nơi có cơ sở y tế đó; còn đối với trẻ em trước đây được "thu gom" từ các gia đình về cơ sở nuôi dưỡng do các dự án nước ngoài thành lập, thì phải căn cứ vào địa chỉ của các gia đình đó.

Về Giấy xác nhận đồng ý trẻ em đang sống trong cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài, Thông tư số 503-LB/TT quy định phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng. Nếu trẻ em còn cha, mẹ đẻ hoặc được ông, bà, họ hàng đưa vào cơ sở nuôi dưỡng có thời hạn, thì còn phải có giấy xác nhận của những người này. Đối với trường hợp trẻ em sơ sinh bị bỏ lại ở cơ sở y tế, nếu đã có Biên bản xác nhận hợp thức về tình trạng bị bỏ lại của đứa trẻ, thì chỉ cần có sự đồng ý bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở y tế.

Để thuận tiện cho người xin nhận con nuôi. Thông tư số 503-LB/TT không quy định bắt buộc người xin nhận con nuôi phải trực tiếp nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp. Điều đó có nghĩa là người xin nhận con nuôi có thể uỷ quyền cho người khác, thực hiện các thủ tục xin nhận con nuôi thay cho họ; văn bản uỷ quyền phải được lập một cách hợp thức và có giá trị và trước đó người xin nhận con nuôi phải hoàn thành mọi thủ tục về hồ sơ theo quy định của Thông tư số 503-LB/TT. Tuy nhiên, trong khi Chính phủ chưa có quy định về việc thành lập và hoạt động của các tổ chức dịch vụ, môi giới của Việt Nam về nuôi con nuôi, cũng như chưa quy định cụ thể về việc cho phép các tổ chức dịch vụ, môi giới nuôi con nuôi của nước ngoài đặt Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam, thì chỉ chấp nhận việc người xin nhận con nuôi uỷ quyền cho cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của nước mà họ là công dân hoạt động thường trú. Việc giao nhận con nuôi phải được tiến hành tại trụ sở của Sở Tư pháp và bắt buộc người nuôi (cha, mẹ nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi) phải có mặt và trực tiếp nhận con nuôi, ký vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi. Không chấp nhận việc người nuôi uỷ quyền cho người khác, cá nhân hoặc tổ chức, nhận con nuôi, thì về nguyên tắc cả hai vợ chồng đều phải có mặt. Trong trường hợp thật đặc biệt, nếu một trong hai người vì lý do sức khỏe không thể đến Việt Nam vào thời điểm đã được ấn định, thì có thể chấp nhận việc uỷ quyền của người đó cho người kia (cha nuôi uỷ quyền cho mẹ nuôi hoặc ngược lại). Tuy nhiên, văn bản uỷ quyền phải được lập một cách hợp thức và có giá trị; không chấp nhận việc uỷ quyền người thứ ba. Về việc giới thiệu trẻ em Việt Nam chưa được xác định trước cho người nước ngoài xin nhận làm con nuôi: Khi nhận được Công văn của Bộ Tư pháp gửi kèm theo Đơn của người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi mà chưa xác định trước cụ thể trẻ em nào, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi bị tàn tật tại địa phương mình để căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của người xin nhận con nuôi được trình bày trong đơn, giới thiệu

trẻ em cho họ nhận làm con nuôi. Không được giới thiệu trẻ em ở ngoài các cơ sở nuôi dưỡng nói trên, cũng như không được thu gom trẻ em vào các cơ sở nuôi dưỡng nhằm mục đích giới thiệu cho người nước ngoài xin nhận làm con nuôi. Trong trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng còn cha, mẹ đẻ hoặc được ông, bà, họ hàng đưa vào cơ sở nuôi dưỡng có thời hạn, thì phải hỏi ý kiến của họ trước khi giới thiệu cho người nước ngoài xin nhận làm con nuôi.

- Sau khi có thông tư Hướng dẫn thi hành một số quy định của Thông tư số 503-LB/TT ngày 25/05/1995 của Liên Bộ Tư pháp - Ngoại giao - Nội vụ quy định chi tiết về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài, thì vấn đề giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã dễ dàng hơn. Công tác thực hiện vấn đề thi hành, giải quyết, thẩm quyền diễn ra dễ dàng hơn, nhanh gọn hơn.

3. Thực tiễn nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài từ năm 2010 đến nay

- Theo thống kê của Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp), trong giai đoạn 2011-2015, trên toàn quốc có 14.539 trẻ em đã được giải quyết cho làm con nuôi, trong đó 12.768 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước, 1.771 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài (CNNN). Giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài chỉ chiếm hơn 12% Như vậy, các trường hợp giải quyết nuôi CNNN chỉ chiếm hơn 12%, trong khi các trường hợp giải quyết nuôi con nuôi trong nước chiếm gần 88%.

- Riêng năm 2016, tính đến tháng 7 có 1.026 trẻ em được đăng ký nuôi con nuôi trong nước, còn tính đến ngày 31/10/2016 có 433 trẻ em được giải quyết làm CNNN. Ngoài ra, thực hiện kế hoạch đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế, cả nước có 3.567 trường hợp đã đăng ký, chiếm 51% tổng số các trường hợp đủ điều kiện đăng ký. Đồng thời, toàn quốc cũng có 46 trường hợp nuôi con nuôi ở khu vực biên giới, riêng Hà Giang và Đồng Tháp đã chiếm tổng cộng 28 trường hợp. Khảo sát 254 người dân nhận con nuôi trong nước cho thấy, có 75,6% số người nhận con

nuôi ở độ tuổi từ 30-50 tuổi và có điều kiện kinh tế ở mức độ bình thường; 41,3% người nhận con nuôi có trình độ học vấn thấp; 65% người nhận trẻ em làm con nuôi ở trên chính địa bàn nơi mình sinh sống. Lý do nhận con nuôi chủ yếu là vì không có con cái (chiếm 65%), muốn giúp đỡ người thân trong gia đình gặp phải khó khăn (chiếm 15,4%) và muốn chăm sóc trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi (chiếm 19,6%). Người nhận con nuôi đa số có mối quan hệ quen biết hoặc quan hệ họ hàng với trẻ em được nhận làm con nuôi. Đặc biệt, phần lớn người nhận con nuôi trong nước nhận trẻ em có tình trạng sức khỏe bình thường, sức khỏe tốt làm con nuôi, chưa kể còn có sự lựa chọn giới tính của trẻ.

Thực tế này cũng được Nữ tu Mary Nguyễn Thị Thanh Mai – Giám đốc Cơ sở bảo trợ xã hội Mái ấm tình thương Lagi chia sẻ. Theo bà Mai, nhiều gia đình trong nước đến Cơ sở tìm kiếm con nuôi, nhưng hầu hết họ chỉ thích chọn lựa các cháu sơ sinh, các cháu nhỏ tuổi, trông thông minh, lanh lợi, xinh đẹp để đáp ứng nhu cầu gia đình hiếm muộn không có con. Tuy nhiên, bà Mai khẳng định, Cơ sở luôn đặt ưu tiên hàng đầu cho người mẹ ruột có cơ hội nhận lại trẻ trong giai đoạn trẻ từ 0-5 tuổi. Trong khi đó, các gia đình nước ngoài thường có điều kiện kinh tế ổn định, chỗ ở phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Người nước ngoài cũng rất sẵn sàng nhận trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi và không phân biệt giới tính của trẻ. Tổng hợp hơn 3 nghìn báo cáo theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được giải quyết cho làm CNNN cho biết, trẻ em có tình trạng sức khỏe đặc biệt mà các gia đình nước ngoài nhận nuôi được tích cực chữa trị, phẫu thuật và điều trị kịp thời, có trẻ em còn được cấy ghép nội tạng ở nước ngoài, tính mạng được bảo toàn. (Được trích trong báo pháp luật “*Chưa người Việt nào nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi*”)

- Trong giai đoạn 2012-2016, công tác giải quyết nuôi con nuôi trong nước và quốc tế nhìn chung đã đi vào nề nếp, dần đưa pháp luật vào đời sống thực tiễn. Qua đó

nhieu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tìm được gia đình thay thế trong nước và nước ngoài, góp phần vào công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, ở Trung ương còn một số điểm hạn chế như ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi chưa đồng bộ; tiến độ thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính còn chậm. Tại địa phương, Sở Tư pháp và Sở LĐ-TB&XH chưa chủ động rà soát, đánh giá điều kiện của các cơ sở trợ giúp xã hội (TGXH) ngoài công lập để tham mưu cho UBND cấp tỉnh mở rộng diện các cơ sở TGXH ngoài công lập tham gia giải quyết việc nuôi CNNN, dẫn đến tình trạng còn một số lượng lớn cơ sở TGXH chưa được chỉ định tham gia giải quyết nuôi CNNN. Việc thực thi chế định nuôi con nuôi ở Việt Nam vẫn không thể tránh được những tồn tại, bất cập, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu hợp tác quốc tế và giải quyết các vấn đề nuôi con nuôi của Việt Nam là rất lớn. Điều này đặt ra Việt Nam cần thiết phải có đánh giá toàn diện thực trạng công tác giải quyết nuôi con nuôi thời gian qua, những kết quả đạt được, hạn chế yếu kém, để tìm ra nguyên nhân, đưa ra giải pháp khả thi nhằm nâng cao, chất lượng hiệu quả công tác giải quyết nuôi con nuôi". Liên quan đến công tác phối hợp giải quyết con nuôi, ngày 11/3/2016 vừa qua, Bộ LĐ-TB&XH và Bộ Tư pháp cũng đã ký kết phối hợp giải quyết con nuôi đối với trẻ em đang được chăm sóc tại các cơ sở TGXH. Theo đó, hai Bộ có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, cơ sở TGXH trong việc rà soát và đánh giá năng lực của các cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố; thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường năng lực cho cơ sở TGXH, không phân biệt cơ sở TGXH công lập và ngoài công lập trong việc giải quyết nuôi con nuôi.

- Gần 3.300 trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài trong 9 năm trở lại đây. Từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành đến nay, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài là 3.291 em. Theo kết quả giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác quản lý người nước ngoài

tại Việt Nam" vừa được Ủy ban Đối ngoại gửi đến các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH), hiện nay số trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam vẫn có xu hướng tăng. Trong đó, số cặp kết hôn năm 2018 giữa công dân Việt Nam với công dân Đài Loan (Trung Quốc) 4.498 cặp, Hoa Kỳ 4.193 cặp và Hàn Quốc 2.666 cặp, chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các cặp kết hôn có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, người Việt Nam còn kết hôn với người Canada (năm 2018 là 515 trường hợp), quốc gia/vùng lãnh thổ khác là 3.543 trường hợp. Cơ quan giám sát cũng cho biết, việc kết hôn có yếu tố nước ngoài được điều chỉnh bởi quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình (về điều kiện kết hôn), Luật Hộ tịch.

- Các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch Việt Nam chỉ nắm được số cặp kết hôn giữa người nước ngoài đăng ký kết hôn với công dân Việt Nam ở Việt Nam. Đối với các cặp đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì chỉ có thông tin về việc đăng ký kết hôn khi các cô dâu có yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã giải quyết ở nước ngoài (ghi chú kết hôn), nhiều trường hợp kết hôn ở nước ngoài nhưng đương sự không về Việt Nam ghi chú kết hôn hoặc đương sự có về Việt Nam mà không yêu cầu ghi chú thì cơ quan đăng ký hộ tịch cũng không quản lý được. Về nuôi con nuôi, từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành đến nay, qua báo cáo của Bộ Tư pháp, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài là 3.291 trẻ em; lần lượt từ năm 2011 - 2018 là 66 - 298 - 334 - 498 - 575 - 551 - 539 và đến năm 2018 là 430 trẻ em. Kết quả giám sát cũng cho thấy, số lượng hồ sơ người nước ngoài là người đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 1 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi từ 2011-2018 là 57 trường hợp, chủ yếu là công dân quốc tịch Anh, Úc đang làm việc, học tập tại Việt Nam. Lĩnh vực cho - nhận con nuôi còn một số vướng mắc, như Luật Nuôi con nuôi chưa quy định về chấm dứt việc nuôi con nuôi, không quy định chấm dứt việc

nuôi con nuôi trong trường hợp con nuôi chưa thành niên, cha mẹ nuôi chết hoặc không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng, người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ của trẻ đều có nguyện vọng chấm dứt việc nuôi con. Luật cũng không quy định cụ thể về điều kiện đối với người nhận con nuôi dẫn đến tình trạng khó quản lý trong việc xác nhận người nhận nuôi con nuôi đủ điều kiện nhận con nuôi.

4. Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam hiện nay

- Việt Nam hiện có khoảng 30 triệu trẻ em, trong đó có khoảng 2,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (7,6%); 1,7 triệu thuộc gia đình đói, nghèo, gần 150 ngàn trẻ em mồ côi (trong đó khoảng 16 ngàn trẻ mồ côi không nơi nương tựa, 500 ngàn trẻ em tàn tật và 19 ngàn trẻ lang thang). Kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới cùng với xu thế chung, tình hình người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ngày càng tăng. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1990 đến 5 tháng đầu năm 2004 có 15.437 trẻ em Việt Nam làm con nuôi nhiều nhất là Pháp Và Mỹ. Việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài đã cơ bản giải quyết được những khó khăn về đời sống cho một số trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời, đáp ứng mục tiêu cơ bản của việc nuôi con nuôi là vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Theo thông báo của một số địa phương, cả nước có 91/378 cơ sở nuôi dưỡng có quyền cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài. Đây là những cơ sở nuôi dưỡng được thành lập hợp pháp, chủ yếu do Sở Lao động Thương binh và Xã hội quản lý, là nơi tiếp nhận các dự án hỗ trợ nhân đạo từ các tổ chức con nuôi nước ngoài. Việt Nam là một quốc gia có số lượng trẻ em làm con nuôi của người nước ngoài khá cao. Số liệu thống kê từ các cơ quan con nuôi ở cấp Trung ương cho thấy số lượng con nuôi đi từ Việt Nam là tương đối nhiều và nhìn chung tăng trong những năm gần đây, đặc biệt tăng với những nước có quan hệ gần gũi và đã ký Thỏa thuận song phương với Việt Nam.

Theo báo cáo chưa đầy đủ, từ năm 2003 – 6/2008, đã có 69 Văn phòng nuôi con nuôi nước ngoài hỗ trợ nhân đạo cho gần 100 cơ sở nuôi dưỡng với giá trị khoảng 160 tỷ đồng. Riêng 2007 đạt 60 tỷ đồng.

Tình hình trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài tăng nhanh trong một số tỉnh thành lớn. Bảng số liệu dưới đây thể hiện số lượng trẻ em Việt Nam nhận làm con nuôi người nước ngoài từ năm 2012 – 2016.

Tỉnh thành	TP HCM	Thái Nguyên	Hà Nội	Hòa Bình	Vũng Tàu	Đà Nẵng
Số lượng	3484	624	538	425	368	337

Việc ban hành Luật nuôi con nuôi đã tạo cơ sở pháp lý để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các cặp vợ chồng trong và ngoài nước muốn nhận con nuôi; bảo vệ quyền và lợi ích của cha mẹ nuôi, giúp họ ổn định tư tưởng và yên tâm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con nuôi như con đẻ.

Nhìn từ thực tiễn vấn đề cho và nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài hiện nay tại Việt Nam ta thấy: về lý thuyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài có thể diễn ra hai chiều:

Thứ nhất là người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;

Thứ hai là người Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, và thực tiễn cho thấy rằng trường hợp người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi phổ biến hơn. Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Tư pháp, chỉ trong vòng 5 năm (từ 1994 – 1999) có tới 9322 trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi, trong đó số trẻ em nhận làm con nuôi tại Pháp là 3407, chiếm tới 1/3 số trẻ em được nhận làm con nuôi tại nước này. Tính trung bình cho đến nay mỗi năm có khoảng 2000 trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi, con số đó mỗi năm tăng lên cao hơn so với năm trước, qua đó cho thấy được nhu cầu nhận

trẻ em nước ngoài làm con nuôi trên thế giới là khá cao. Kể từ khi Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách đối với vấn đề mở cửa và giao lưu với các nước ngày càng phát triển kéo theo đó là tình hình nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam cũng không ngừng biến đổi theo chiều hướng gia tăng, từ năm 1999 đến năm 2003(Theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ tư pháp) có khoảng 14600 trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài, trong đó có Mỹ và Pháp là hai nước nhận nhiều con nuôi nhất.

Theo nguồn thông tin từ Cục con nuôi từ năm 2003 số trẻ em làm con nuôi nước ngoài tăng lên so với thời kì cuối những năm 90 đầu những năm 2000. năm 2003 có 800 trường hợp, năm 2004 có 550 trường hợp, năm 2007 có 200 trường hợp, năm 2009 có 1064 trường hợp, và 7 tháng đầu năm 2010 có 674 trường hợp trẻ em được giải quyết làm con nuôi người nước ngoài.

Có thể khẳng định rằng, pháp luật điều chỉnh về vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam ngày càng trở nên hoàn thiện. Nếu như trước đây nuôi con nuôi được quy định tản mạn trong các văn bản pháp luật và điều ước quốc tế khác nhau thì nay vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong pháp luật Việt Nam đã được quy định thống nhất trong Luật nuôi con nuôi năm 2010. Việc điều chỉnh thống nhất trong một văn bản pháp luật đã khắc phục được tình trạng thiếu tập trung, không đồng bộ của các văn bản pháp luật.

Việc ban hành Luật nuôi con nuôi năm 2010 nhằm đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, Tạo hành lang pháp lý đồng bộ và thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nuôi con nuôi nói chung và vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng.

Thứ hai, Góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân về công tác bảo vệ trẻ em, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, không có gia đình có thể tìm thấy gia đình thay thế.

Thứ ba, Thể hiện sự tôn trọng và quan tâm thực hiện các cam kết quốc tế mà nước ta đã đưa ra trong việc bảo vệ và giành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em, đảm bảo việc nuôi con nuôi được tiến hành trên nguyên tắc nhân đạo vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

Thứ tư, tạo ra cơ chế đồng bộ và thống nhất trong việc nuôi con nuôi trong đó giải pháp nuôi con nuôi quốc tế được xem như là giải pháp cuối cùng, sau khi đã cân nhắc và áp dụng mọi biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế ở trong nước cho thấy không có hiệu quả or không thể áp dụng được.

Thứ năm, tạo cơ sở pháp lý nhằm thúc đẩy, khuyến khích và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội đối với lĩnh vực này, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ nhân đạo từ trong và ngoài nước phục vụ cho công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hướng tới việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em tại cộng đồng.

5. Công tác thực hiện và triển khai quy định của pháp luật về vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Việc thi hành pháp luật trong việc giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài đã được các cơ quan, các cấp, các ngành nhận thức đúng đắn và thực hiện nghiêm túc. Nhà nước đã ban hành nhiều đạo luật quy định cụ thể về vấn đề nuôi con nuôi, trong đó có vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Có thể kể đến: Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị định 68/ 2002/NĐ- CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật hôn nhân và gia đình về Quan hệ với con nuôi có Yếu tố nước ngoài nghị định 69/ 2006/ NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 68/2002 TT- BTP hướng dẫn thực hiện một số quy định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài luật nuôi con nuôi năm 2010, Nghị định 19/2011 NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật nuôi con nuôi... ngoài ra Việt Nam còn tham gia công ước quốc tế về quyền trẻ em, Công ước Lahay...

Về cơ chế thực hiện cục nuôi con nuôi quốc tế với tư cách là cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam thực hiện thống nhất quản lý hoạt động nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Cục đã triển khai nhiều hoạt động, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong công tác quản lý và trực tiếp tham gia vào việc giải quyết các hồ sơ của người nước ngoài xin nhận trẻ em là con nuôi.

- Hầu hết các tỉnh, thành phố đều đã có cơ sở nuôi dưỡng để có thể đảm nhiệm việc nuôi dưỡng chăm sóc trẻ em và là cơ sở để thực hiện việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Cụ thể, hiện nay cả nước có 120 trung tâm Bảo trợ xã hội do ngành Lao động, Thương binh-Xã hội quản lý. Hiện cả nước có 91/378 cơ sở nuôi dưỡng có quyền cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài.

Nhà nước cho phép các tổ chức con nuôi nước ngoài được hoạt động tại Việt Nam; góp phần giải quyết cho người nước ngoài nhận con nuôi và phần nào hạn chế được tình trạng môi giới trung gian bất hợp pháp. Việc thực hiện các dự án hỗ trợ nhân đạo từ hoạt động hợp tác nuôi con nuôi quốc tế tạo điều kiện cho cơ sở nuôi dưỡng trở nên khang trang hơn, điều kiện chăm sóc trẻ tốt hơn.

6. Tình hình kí kết và thực hiện các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Có thể thấy, Việt nam đã kí các Hiệp định tương trợ tư pháp với các quốc gia trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thì vấn đề nuôi con nuôi luôn được các nước quan tâm và ghi nhận trong các Hiệp định. Để góp phần tạo ra một chế định pháp lý pháp lý kí kết thông thoáng, lành mạnh, nhà nước ta đã kí kết các hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi với một số nước như: Pháp, Đan Mạch, Ý, Thụy sĩ, Tây Ban Nha... Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam trong những năm qua đã mang lại hiệu quả cao trong thực tế quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg. Thông qua các Hiệp định mà Việt Nam kí kết với các nước có thể thấy rõ cả phía người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi đều

đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo tuân thủ pháp luật của cả hai nước: nước có trẻ em làm con nuôi và nước người nhận con nuôi thường trú. Do cơ chế kiểm soát chặt chẽ của Việt Nam và các nước đã tham gia kí kết hiệp định, việc giải quyết việc nuôi con nuôi đã đảm bảo tính nhân đạo và lành mạnh.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi nêu trên, thì cơ chế xử lý đối với các khoản tài chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài vẫn đang còn gặp những khó khăn, trở ngại đối với các đương sự và cơ quan giải quyết việc nuôi con nuôi. Điều đó dẫn đến tình trạng khó kiểm soát và ngăn chặn được hiện tượng môi giới, kiếm lời..

7. Một số nhận xét chung về tình hình áp dụng pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay

- Nhìn chung, pháp luật Việt Nam chỉ tỏ rõ hiệu lực chủ yếu ở phần đầu quá trình cho nhận con nuôi, đó là xác định về điều kiện của người nhận nuôi, của con nuôi; thủ tục cho nhận... Đối với phần sau của quá trình nuôi con nuôi nước ngoài (vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích của đứa trẻ trong mối quan hệ với bố mẹ nuôi ở nước mà nó cư trú) – sau khi trẻ em Việt Nam đã được bàn giao cho cha mẹ nuôi thì gần như pháp luật Việt Nam không thể phát huy giá trị hiệu lực của nó. Điều đó là do xuất phát từ nguyên lý cơ bản, hiệu lực của hệ thống pháp luật mỗi quốc gia chỉ có giá trị trên lãnh thổ của mình. Trong khi đó, các Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài cũng chỉ dừng lại ở mức độ quy định về vấn đề luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết quan hệ nuôi con nuôi quốc tế. Các HĐHTNCN dù đã đi xa hơn và hiệu quả hơn khi thiết lập các cơ chế hỗ trợ song phương về việc đảm bảo một cuộc sống tốt đẹp cho đứa trẻ ngay cả khi nó được chuyển ra nước ngoài sinh sống, nhưng lại có hạn chế nhất định đó là: Các HĐHTNCN vẫn chưa thực sự

là một khung pháp lý đầy đủ để chi phối được rộng khắp các vấn đề có thể phát sinh trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

- Mặt khác các Hiệp định về nuôi con nuôi nước ngoài hiện nay rõ ràng vẫn là những thoả thuận riêng lẻ giữa Việt Nam với từng nước cụ thể, trong khi số lượng các nước có hiệp định với Việt Nam lại còn khá ít.

8. Những thuận lợi khi áp dụng pháp luật về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

**Trên cơ sở nhìn nhận thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong những năm qua cho thấy những thành công cơ bản sau:*

- Qua việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài, tìm được mái ấm gia đình cho nhiều trẻ em, đảm bảo quyền lợi cho người con nuôi và người nhận con nuôi.

Việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài trong thời gian qua đã cơ bản giải quyết được những khó khăn về đời sống cho một số trẻ em có hoàn cảnh gia đình đặc biệt như bị bỏ rơi, mồ côi, trẻ em tàn tật mà điều kiện gia đình cũng như cơ sở nuôi dưỡng không bảo đảm được việc chăm sóc nuôi dưỡng, chữa trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu cơ bản của việc nuôi con nuôi là vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

- Việc giải quyết cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi đã đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của người xin nhận con nuôi, tăng cường được mối quan hệ gắn bó giữa họ với Việt Nam, đồng thời giảm bớt phần nào gánh nặng về kinh tế, nhất là đối với các gia đình đông con hoặc có con bị khuyết tật.

- Cơ chế giải quyết vấn đề nuôi con nuôi nước ngoài chặt chẽ hơn, minh bạch hơn. Quy định của pháp luật hiện hành tạo cơ chế giải quyết vấn đề nuôi con nuôi nước ngoài chặt chẽ hơn, minh bạch và rõ ràng hơn; quy trình thủ tục, hồ sơ giấy tờ giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài được quy định cụ thể hơn. Cùng với quy định trong các HĐHTNCN, Nghị định 68/ 2002/ NĐ-CP và sửa đổi bổ sung ở nghị

định 69/2006/NĐ-CP, đã tiếp cận dần với cơ chế giải quyết vấn đề nuôi con nuôi quốc tế theo chuẩn mực Công ước Lahaye 1993 (mà Việt Nam đang chuẩn bị ký kết và phê chuẩn).

Thứ nhất, về nguyên tắc, chỉ giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở những nước cùng tham gia hoặc ký kết với Việt Nam điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi. Với những nước chưa ký kết điều ước quốc tế, thì chỉ giải quyết trong một số trường hợp ngoại lệ có tính nhân đạo.

Thứ hai, công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi quốc tế được giao tập trung vào một cơ quan đầu mối là Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư Pháp. Cơ quan này đồng thời đảm nhiệm chức năng của cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế của Việt Nam theo các HĐHTNCN giữa Việt Nam với các nước và tham gia vào một số khâu trong quá trình giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước ở địa phương với nhau và với cơ quan trung ương đã được kiện toàn một bước. Nhiều tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Công an, Văn phòng UBND tỉnh trong việc giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi, tạo ra sự kiểm tra thường xuyên hơn đối với hoạt động nuôi con nuôi quốc tế tại địa phương. Điều đó có ý nghĩa tích cực trong việc phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật nhằm mục đích trục lợi.

Thứ tư, tạo khung pháp lý cho phép các tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài vào hoạt động tại Việt Nam. Trên cơ sở các Hiệp định về hợp tác nuôi con nuôi và Nghị định 68/CP, trong các năm qua, Bộ tư pháp đã cấp giấy phép cho khoảng 70 tổ chức con nuôi nước ngoài vào hoạt động tại Việt Nam trên nguyên tắc nhân đạo, phi lợi nhuận. Các tổ chức này đã có nhiều đóng góp tích cực, hỗ trợ kỹ thuật và giúp đỡ cho nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi người nước ngoài.

- Có sự cải thiện đáng kể về điều kiện vật chất trong các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em. Trong những năm qua, cả nước có khoảng 120 cơ sở bảo trợ xã hội do ngành lao động - thương binh - xã hội quản lý, được phép giới thiệu trẻ em làm con nuôi, theo chỉ định của các UBND cấp tỉnh. Hầu hết các tỉnh thành phố đều có (ít nhất là một) cơ sở nuôi dưỡng để có thể đảm nhiệm việc nuôi dưỡng chăm sóc trẻ em. Việc thực hiện các dự án hỗ trợ nhân đạo từ các tổ chức con nuôi nước ngoài, đã góp phần quan trọng cải thiện về cơ sở vật chất, đời sống của nhiều cơ sở nuôi dưỡng, giải quyết những khó khăn nhất định của địa phương. Theo báo cáo chưa đầy đủ, từ năm 2003 đến nay, tổng số hỗ trợ nhân đạo bằng tiền và vật chất trị giá đạt khoảng 160 tỷ đồng. Đây là những con số ấn tượng về sự hỗ trợ hữu hiệu của các cơ sở nuôi dưỡng, giúp cho các cơ sở nuôi dưỡng cải thiện đáng kể cơ sở vật chất và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Cải tiến một bước trình tự, thủ tục giải quyết cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Thủ tục, trình tự giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế được cải tiến một cách đáng kể. Nhiều loại biểu mẫu hồ sơ được ban hành bảo đảm thống nhất thi hành trên phạm vi cả nước. Quy trình xử lý hồ sơ được thực hiện chặt chẽ hơn giảm bớt thủ tục phiền hà. hành chính giấy tờ, đảm bảo tính khả thi trong việc giải quyết hồ sơ. Sự tham gia của Cục Con nuôi đã tăng cường việc kiểm tra, giám sát hoạt động cho con nuôi nước ngoài, tháo gỡ những vướng mắc, ách tắc, hạn chế và ngăn ngừa các vi phạm trong quá trình giải quyết, tăng cường sự quản lý của cơ quan Nhà nước. Trong quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước (như Cục Con nuôi, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, cơ sở nuôi dưỡng, Công an và UBND cấp xã) được quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm của từng khâu liên quan đến hồ sơ của người xin nhận con nuôi và hồ sơ của trẻ em.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài thời gian qua cũng đã được tăng cường một bước, góp phần tích cực vào việc phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài, nhằm ổn định tình hình, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi không ngừng được cải thiện, mở rộng. Việc quy định nguyên tắc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi giữa Việt Nam và các nước khác. Nguyên tắc này là “ chìa khoá” để mở rộng cánh cửa hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ. Nghị định 184/ CP trước đây không có quy định này.

9. Những khó khăn, bất cập khi áp dụng pháp luật về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Nhận thức chưa đúng về vấn đề nuôi con nuôi trong đó có nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Một trong những bất cập, tồn tại cơ bản là trong xã hội, các cơ quan nhà nước và trong nhân dân còn nhận thức chưa đúng về vấn đề nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi nước ngoài nói riêng, nhất là về tính nhân đạo, nhân văn và các vấn đề pháp lý có liên quan. Hiện nay một số cơ quan nhà nước kể cả ở trung ương và địa phương còn có sự nhận thức chưa đúng về vấn đề nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi quốc tế nói riêng, thậm chí còn mơ hồ về tính nhân đạo, nhân văn của lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế cũng như về các vấn đề pháp lý có liên quan. Một hành vi thiếu tính nhân đạo hoặc trục lợi sẽ gây hậu quả khôn lường không những đối với trẻ em, người nhận con nuôi, mà còn ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước cho và nước nhận con nuôi. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực này nhìn chung còn yếu, chưa được quan tâm đúng mức, chưa thực hiện thường xuyên và thống nhất ở các địa phương.

- Hiện tượng làm sai lệch nguồn gốc trẻ em vẫn còn. Một quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài, trước khi được đưa ra cần được cân nhắc kỹ càng, chính xác, suy xét trên mọi phương diện. Bởi một hành vi sai phạm, sẽ gây hậu quả khôn lường không những đối với trẻ em, người xin con nuôi, tổ chức con nuôi mà còn ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước cho con nuôi và nước nhận con nuôi. Vấn đề này đang là một thực tế cần hoàn thiện, nhiều kẻ lợi dụng hoạt động nhân đạo này để trục lợi, nhiều người lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân.

Kết luận chương II

Từ khi thực hiện Công ước La Hay 1993 cho đến nay, Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa được sửa đổi, bổ sung nhằm loại bỏ những cản trở trong việc triển khai thực hiện và tăng cường các biện pháp bảo đảm thực hiện Công ước, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Công ước và yêu cầu phát sinh trong thực tiễn. Một số quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNG không phát huy được hiệu quả, gây cản trở tới việc thi hành pháp luật và một số vấn đề phát sinh trên thực tiễn chưa được quy định; mức độ nội luật hóa Công ước La Hay số 33 còn chưa cao, quy định về trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNG còn chưa phù hợp Công ước. Từ đó dẫn đến những ảnh hưởng nhất định tới số lượng và chất lượng của việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNG trong thời gian qua. Điều này cũng xuất phát từ việc triển khai thi hành pháp luật chưa đồng đều, các thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật chưa cao, đặc biệt là cơ chế tài chính trong việc khuyến khích biện pháp nuôi con nuôi trong nước và tách bạch việc nuôi con nuôi nước ngoài với hỗ trợ nhân đạo.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay

Một là, đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ em, hạn chế, ngăn chặn hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Hiện nay ở nước ta, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khá lớn, khoảng 2,5 triệu trẻ em chiếm khoảng 3% dân số . Việc tìm kiếm cho trẻ em một hình thức nuôi dưỡng trong đó có hình thức cho làm con nuôi là một việc làm cần thiết, mục đích bảo vệ quyền lợi của trẻ em, chăm sóc nuôi dạy trẻ em thành những công dân có ích cho xã hội, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội khi để trẻ trong tình trạng bơ vơ, không nơi nương tựa, đồng thời đảm bảo nguyện vọng và quyền lợi cho cả người nhận nuôi con nuôi. Mặt khác khi những trẻ em này được nhận làm con nuôi sẽ giảm bớt áp lực đối với các cơ quan nhà nước, với xã hội, đồng thời tạo ra môi trường tốt, thuận lợi cho sự phát triển thể chất và nhân cách của trẻ em.

Tính trung bình cho đến nay thì mỗi năm có khoảng 2000 trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi và số trẻ em được nhận mỗi năm một tăng cao. Như vậy, rõ ràng nhu cầu về việc nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi của người nước ngoài là rất lớn và đang tiếp tục tăng.

Việc cho nhận con nuôi là một hoạt động nhân đạo, song đây cũng là vấn đề nhạy cảm, chứa đựng nhiều sự phức tạp, nhiều kẻ lợi dụng hoạt động nhân đạo này để trục lợi, gây hại trước hết đến những trẻ em. Vì vậy pháp luật cần có những quy định chặt chẽ, sát thực để hạn chế tối đa những sai phạm xảy ra.

Hai là, hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi đặc biệt là nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, chính sách kinh tế đối ngoại hiện nay của

Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt nước ta đang trong quá trình đàm phán chuẩn bị gia nhập Công ước Lahay đòi hỏi phải có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với những điều khoản có tính chất bắt buộc của Công ước, khi mà Công ước không chấp nhận việc bảo lưu đối với bất cứ điều khoản nào (Điều 40 Công ước).

Ba là, thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi và thực hiện nuôi con nuôi còn tồn tại nhiều vướng mắc nhất định, cản trở việc nuôi con nuôi, cần có hướng giải quyết tích cực.

*** Một số yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài hiện nay.**

Thứ nhất, pháp luật về nuôi con nuôi phải thể chế hoá quan điểm của Nhà nước về chăm sóc, bảo vệ trẻ em, đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản và lợi ích tốt nhất của quyền trẻ em. Đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi phải phù hợp với các nguyên tắc của Công ước Lahay, theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Gia nhập Công ước Lahay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi giữa các nước hiện nay không chỉ là nhu cầu mà còn là sự đòi hỏi nhằm thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Trên nguyên tắc Pacta sunt servanda, khi gia nhập Công ước, đối với những nguyên tắc mang tính jus cogens (bắt buộc chung), đòi hỏi khi bổ sung và hoàn thiện với chúng ta bắt buộc phải tuân theo. Nói cách khác, những quy định pháp luật trong nước không được trái với nguyên tắc cơ bản của Công ước. Do đó, nhiệm vụ quan trọng đặt ra hiện nay là, cần tiến hành nghiên cứu, rà soát và đối chiếu kỹ càng các quy phạm pháp luật trong nước với những quy định mang tính nguyên tắc của Công ước Lahay, rút ra những điểm chưa phù hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ.

Với tư cách là Nước gốc (nước cho con nuôi), Việt Nam cần hoàn thiện pháp luật theo những chuẩn mực quốc tế và phù hợp với thông lệ chung của những nước cho con nuôi trong khuôn khổ Công ước Lahay. Cùng với đó, cần đặc biệt tham khảo

kinh nghiệm của các nước tiên phong trong lĩnh vực nuôi con nuôi, nhất là các nước có những điều kiện tương đồng với nước ta. Các quy định điều chỉnh việc nuôi con nuôi phải phù hợp với xu hướng hội nhập của đất nước, để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài.

Thứ hai, do đặc thù của quan hệ nuôi con nuôi là luôn tồn tại mối quan hệ ba bên cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi và con nuôi nên sự điều chỉnh của pháp luật phải rõ ràng cụ thể để tránh xảy ra tranh chấp, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên. Tuy nhiên vì người được nhận làm con nuôi chủ yếu là trẻ em nên đầu tiên pháp luật cần hướng tới bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là lĩnh vực nhân đạo có liên quan trực tiếp đến nhiều chế định pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, đăng ký hộ tịch, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, quốc tịch, xuất nhập cảnh... Do đó yêu cầu đặt ra là cần hoàn thiện một cách đồng bộ tất cả các lĩnh vực có liên quan đến quan hệ nuôi con nuôi.

2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

- **Về mặt lý luận**, với tư cách là pháp luật chuyên ngành, gắn bó mật thiết với pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thì việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm xây dựng và hoàn thiện một cách tổng thể luật nội dung, luật tố tụng và luật xung đột. Trên cơ sở đó làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, giải quyết xung đột về điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công nhận quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện trước các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm xây dựng và hoàn thiện giải pháp tăng cường các thiết chế bảo đảm thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật ở các cấp, đồng thời giải quyết được những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành pháp luật về nuôi con nuôi.

- **Trên thực tế**, Luật nuôi con nuôi còn chậm đi vào cuộc sống và chưa phát huy hiệu quả là do còn thiếu các điều kiện cơ bản bảo đảm cho việc thi hành, thiếu cơ chế kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật và thiếu quy định xử lý một số vi phạm hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Trách nhiệm của một số cơ quan còn chưa rõ ràng, chưa có sự thông suốt trong việc chỉ đạo triển khai thi hành Luật. Việc phối hợp liên ngành còn gặp nhiều khó khăn do có sự “cắt khúc” giữa hệ thống QPPL về nuôi con nuôi và QPPL về trẻ em và việc thực hiện trách nhiệm có liên quan giữa ngành tư pháp và ngành LĐ-TBXH trong công tác quản lý nhà nước Nhà nước về trẻ em và nuôi con nuôi.

3. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt nam

- Theo tác giả Nguyễn Văn Cương, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết phải được giải mã theo hướng phải là nhu cầu của người dân và là công cụ để Nhà nước giải quyết các vấn đề của xã hội. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nhu cầu hoàn thiện pháp luật chính là bảo đảm cho những trẻ em có HCDB có thể tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài theo đúng pháp luật và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết được xác định từ nhu cầu về số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần tìm gia đình thay thế và tạo ra những yếu tố bảo đảm thi hành pháp luật cho phù hợp với những cách thức thực hiện tốt Công ước La Hay 1993.

4. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay

- Cần hoàn thiện các quy định về điều kiện nuôi con nuôi:

Trước hết, cần quy định độ tuổi của trẻ em cho tương đồng với pháp luật các nước và phù hợp với quy định của Công ước Lahaye 1993, khi nước ta đang trong tiến trình gia nhập. Có thể quy định độ tuổi đó là từ 18 tuổi trở xuống, bởi vì đây là độ tuổi vị thành niên cần được sự bảo vệ, chăm sóc của toàn xã hội.

Thực tế cho thấy, việc cho nhận con nuôi chỉ hợp lý, cần thiết và có ý nghĩa nhân đạo khi người được nhận nuôi là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có sự chăm sóc của cha mẹ đẻ. Vì vậy bên cạnh quy định về độ tuổi, pháp luật cần có những quy định cụ thể hơn về hoàn cảnh người được cho làm con nuôi. Điều này xuất phát từ phong tục tập quán, phù hợp với quy định chung của pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, điều kiện của người nhận nuôi là vấn đề cần được sự điều chỉnh cụ thể, chặt chẽ của pháp luật. Vì mục đích tốt đẹp của việc nuôi con nuôi, và quyền lợi của người con nuôi có được đảm bảo hay không, phụ thuộc phần lớn ở cha mẹ nuôi. Các cơ quan chức năng cần điều tra rõ về các điều kiện của người nhận nuôi, nếu phát hiện có sự sai phạm trong đăng ký việc nuôi con nuôi cần hủy việc nuôi con nuôi trước khi quyết định giao trẻ. Về tư cách đạo đức của người nhận nuôi, đây là điều kiện về phẩm chất tư cách của một con người nên rất khó nắm bắt và điều chỉnh, nhưng cần quy định một cách rõ ràng hơn.

Mặt khác, để phù hợp với thực chất của quan hệ nuôi con nuôi, để xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và con nuôi cần quy định độ tuổi tối đa của người nhận nuôi con nuôi kết hợp với khoảng cách chênh lệch tuổi một cách hợp lý (chẳng hạn quy định người nhận nuôi không quá 60 tuổi), đảm bảo khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, đảm bảo lợi ích của trẻ được nhận nuôi.

Sự thể hiện ý chí của các chủ thể có liên quan trong việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi có ý nghĩa quan trọng. Cần quy định cha mẹ có quyền cho con làm con nuôi theo hình thức nào, đơn giản hay đầy đủ. Vì vậy, quy định rõ ràng về hai hình thức nuôi con nuôi và hậu quả pháp lý của mỗi hình thức đó là cần thiết. Mặt khác, cần quy định cụ thể người giám hộ là những ai, quy định giới hạn quyền cho trẻ làm con nuôi cụ thể để hạn chế việc lợi dụng chức quyền mưu lợi cá nhân. Việc cho đưa trẻ làm con nuôi cần có ý kiến của những người họ hàng thân thích của trẻ được giám hộ, như ông, bà nội, ngoại, anh, chị, các cô, chú, bác... Khi không có ai trong số những người đó có thể nuôi dưỡng trẻ hoặc việc nuôi dưỡng không có lợi, không đảm bảo quyền lợi cho trẻ thì việc cho làm con nuôi là cần thiết.

Về thời gian thử thách trong quan hệ nuôi con nuôi: Quy định về thời gian thử thách là rất cần thiết (có thể là 6 tháng) vì chỉ khi trải qua thời gian thử thách, cơ quan có thẩm quyền mới có cơ sở để ra quyết định công nhận việc nuôi con nuôi, nếu giữa người nhận nuôi và đứa trẻ thiết lập được mối quan hệ hoà hợp. Nếu giữa hai bên không có sự hoà hợp, không thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp, cần đưa đứa trẻ ra khỏi gia đình người nhận nuôi, đồng thời tìm được một gia đình khác có mong muốn nhận con nuôi phù hợp hơn với đứa trẻ. Khoảng thời gian thử thách, có lợi cho các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi, tìm hiểu hoà hợp trong cuộc sống và Nhà nước tiết kiệm thời gian và tiền bạc khi phải tiếp nhận những đứa trẻ hồi hương. Đây là vấn đề cần giải quyết khi Việt Nam gia nhập Công ước La Hay.

- Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài:

Cần xem xét lại một số thủ tục trong quy trình giải quyết để đảm bảo thời gian và tiết kiệm được chi phí. Ví dụ, giới thiệu trẻ em khi không xin đích danh theo Điều 51 Nghị định 68/ CP, cần kết hợp giới thiệu trẻ với việc gửi hồ sơ của trẻ để tránh gửi lòng vòng công văn giữa Sở Tư pháp với Cục Con nuôi. Quy trình thực hiện phải chặt chẽ tránh để cho hiện tượng cực nẩy sinh. Trong việc nuôi con nuôi

có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới, do đặc điểm đặc thù của loại việc này nên cần có quy định về việc thống kê, lưu trữ và báo cáo riêng số liệu loại việc này, tách rời với số liệu việc nuôi con nuôi trong nước. Sở Tư pháp cần nắm được diễn biến và số lượng cụ việc cụ thể hàng năm để báo cáo Bộ Tư pháp, qua đó có thể điều chỉnh kịp thời những vướng mắc xảy ra. Mặt khác cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ở địa phương, giữa địa phương và trung ương để đảm bảo quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi thật hiệu quả.

- Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài:

Mối quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ - con nuôi - cha mẹ nuôi: Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi phụ thuộc vào việc đưa trẻ được cho làm con nuôi theo hình thức nào (đơn giản hay đầy đủ). Khi pháp luật quy định về hình thức nuôi con nuôi đầy đủ song song với hình thức nuôi con nuôi đơn giản, thì cũng cần quy định cụ thể về hệ quả pháp lý trong mỗi hình thức đó .

Nếu là theo hình thức nuôi con nuôi đơn giản thì tồn tại ba mối quan hệ pháp lý cha mẹ đẻ-con nuôi-cha mẹ nuôi, Cần quy định cụ thể những quyền nào sẽ được chuyển sang cho cha mẹ nuôi, những quyền nào vẫn thuộc về cha mẹ đẻ để đảm bảo quyền lợi cho các bên, đồng thời tránh xảy ra tranh chấp về quyền cha mẹ, quyền thừa kế...

Thực tế cho thấy khi quyết định cho con làm con nuôi người nước ngoài, cha mẹ đẻ của trẻ cũng hiểu rõ việc giữ mối liên hệ với đứa trẻ là điều khó có thể thực hiện được và xét trong hoàn cảnh thực tế, xét về tâm lý, nguyện vọng của cha mẹ nuôi, trẻ em khi đã cho làm con nuôi không nên có bất kỳ ràng buộc gì với cha mẹ đẻ. Vì vậy, pháp luật hiện hành cần quy định rõ việc cho nhận con nuôi theo hình thức nuôi con nuôi đầy đủ sẽ làm chấm dứt hoàn toàn quan hệ pháp lý giữa người con nuôi với cha mẹ đẻ và gia đình gốc huyết thống. Người con nuôi có đầy đủ quyền

và thực hiện nghĩa vụ trong gia đình cha mẹ nuôi như con đẻ, kể cả quyền thừa kế. Ngược lại, trong gia đình cha mẹ đẻ, người con đó không có quyền và nghĩa vụ kể cả thừa kế theo luật. Tuy nhiên, việc nuôi con nuôi vẫn có thể bị chấm dứt khi quyền và lợi ích của người con nuôi bị xâm phạm nghiêm trọng. Khi việc nuôi con nuôi đầy đủ bị chấm dứt cần dự liệu việc đưa đứa trẻ ra khỏi gia đình cha mẹ nuôi và tìm kiếm cho trẻ gia đình nuôi mới thích hợp. Quốc tịch của trẻ em được cho làm con nuôi người nước ngoài cần quy định: Bên cạnh việc quy định trẻ em vẫn giữ quốc tịch Việt Nam thì để bảo đảm quyền lợi cho trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài, trẻ em được nhận nuôi phải được hưởng quốc tịch của cha mẹ nuôi tại nước tiếp nhận. Bởi vì với nguyên tắc *“lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”*, khi đứa trẻ chưa có đầy đủ năng lực hành vi (trẻ em chưa đủ 18 tuổi), việc giữ quốc tịch gốc của trẻ là cần thiết trong trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ bị xâm hại, Nhà nước Việt Nam hoàn toàn có thể can thiệp. Mặt khác, quyền, lợi ích của người con nuôi trước hết phải được bảo vệ bằng chính pháp luật của nước sở tại, tức là việc thừa nhận con nuôi có quốc tịch của nước nhận sẽ đảm bảo trẻ được sự bảo hộ trực tiếp của nước nơi người con nuôi thường trú. Trong xu thế hội nhập hiện nay việc thừa nhận hai quốc tịch là cần thiết bảo đảm lợi quyền lợi mỗi cá nhân ở các nước khác nhau song vấn đề hai quốc tịch cũng dễ gây xung đột pháp luật nên pháp luật cần quy định chặt chẽ, hợp lý.

Việc thừa nhận trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài có hai quốc tịch không mâu thuẫn với nguyên tắc một quốc tịch được ghi nhận tại Luật Quốc tịch 2008, bởi vì mục đích của nguyên tắc này không phải là loại trừ quốc tịch thứ hai của công dân Việt Nam. Đồng thời, trong trường hợp trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi muốn thôi quốc tịch Việt Nam, trẻ em đó hoàn toàn có thể xin thôi quốc tịch Việt Nam khi 15 tuổi (Điều 29 Luật Quốc tịch 2008).

Theo pháp luật của nước sở tại con nuôi có quyền lựa chọn quốc tịch khi đạt đến một độ tuổi nhất định. Pháp luật các nước có quy định khác nhau về độ tuổi trẻ được lựa chọn quốc tịch như Nhật Bản quy định 20 tuổi, Thụy Điển là 19-22 tuổi... Để bảo vệ quyền lợi tối đa của trẻ em, pháp luật Việt Nam nên quy định cho trẻ em có quyền quyết định về quốc tịch ở tuổi đủ 18 (độ tuổi trẻ có đầy đủ năng lực hành vi).

- Cần có cơ chế minh bạch về thủ tục, trình tự giải quyết, minh bạch về tài chính:

Đối với hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi cần phải quy định chặt chẽ hơn, khắt khe hơn, thời hạn kéo dài hơn để đảm bảo sự an toàn và thu xếp mái ấm cho trẻ, ngăn chặn mọi sự lạm dụng vì mục đích trục lợi.

Cần quy định một cách rõ ràng, minh bạch, công khai về các khoản chi, các vấn đề tài chính cần thiết trong việc giải quyết cho nhận con nuôi. Đây là yêu cầu không chỉ từ phía Việt Nam còn là yêu cầu chính đáng từ nước nhận con nuôi và người nhận nuôi. Cần quy định một mức thống nhất công khai về các loại phí, lệ phí cũng như các khoản đóng góp hỗ trợ vật chất của cha mẹ nuôi, của Tổ chức con nuôi nước ngoài cho cơ sở nuôi dưỡng. Quy định này nhằm tránh sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức con nuôi nước ngoài trong việc hỗ trợ xin nhận con nuôi, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả những người muốn nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, đồng thời tạo ra cơ chế thông thoáng, công khai vấn đề tài chính còn tạo sự yên tâm, tin tưởng đối với người xin nhận con nuôi và đảm bảo tính nhân đạo của việc cho con nuôi.

- Giải pháp có tính tổng thể hoàn thiện pháp luật hiện nay về nuôi con nuôi nói chung, trong đó có nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là xây dựng Luật Nuôi con nuôi.

Theo dự kiến Luật Nuôi con nuôi sẽ ra đời vào 5/2010. Luật Nuôi con nuôi sẽ bao gồm các quy phạm thực chất điều chỉnh các vấn đề: mục đích, nguyên tắc, điều kiện nuôi con nuôi; vấn đề hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, các biện pháp chế tài đối với những vi phạm trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Việc có Luật nuôi con nuôi nhằm thống nhất các văn bản pháp luật, điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực nuôi con nuôi, đảm bảo lợi ích các bên mà trước hết là quyền lợi của trẻ em.

Việc ban hành Luật về Nuôi con nuôi khi nước ta sắp ký và phê chuẩn Công ước Lahay trong thời gian tới là một yêu cầu khách qua, có tính khả thi, đồng thời là một công việc cần thiết để thực hiện Công ước Lahay.

- Tích cực chuẩn bị mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để gia nhập Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

Công ước với một khuôn khổ pháp lý điều chỉnh rất hợp lý rõ ràng sẽ góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ quyền con người. Là nước gia nhập sau, Việt Nam sẽ có cơ hội tận dụng được những ưu thế riêng của những nước “đến sau”, đó là việc học hỏi, tham khảo những kinh nghiệm tốt, bài học hay của các quốc gia thành viên Công ước; lường trước được những khó khăn, thách thức mà các nước thành viên của Công ước trước đây đã từng gặp phải. Đồng thời, tạo cơ hội để Việt Nam có thể nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật và cải cách các thủ tục trong lĩnh vực nuôi con nuôi, phù hợp với tinh thần của Công ước Lahay.

Mặt khác, việc gia nhập Công ước Lahay sẽ không đòi hỏi Việt Nam phải ký kết Điều ước quốc tế song phương về hợp tác nuôi con nuôi với các thành viên của Công ước. Như thế sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, công sức và kinh phí cho các cơ quan Nhà nước. Việt Nam sẽ có quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia thành viên của Công ước trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Điều này sẽ có lợi cho việc trao đổi, thu thập tìm hiểu các thông tin pháp luật của các nước về lĩnh vực

nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, cũng như có lợi trong việc quảng bá, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước ta đối với quốc tế.

Cuối cùng, điều cốt yếu nhất là cần nâng cao đời sống kinh tế, xã hội, giảm mức sinh để mọi gia đình sinh con đều có đủ điều kiện nuôi con, tiến tới giảm dần việc cho con nuôi nước ngoài trong thời gian tới.

5. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Tăng cường thẩm quyền của Cục Con nuôi – đáp ứng yêu cầu giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong việc nuôi con nuôi.

Tăng cường thẩm quyền của Cục Con nuôi, nhằm hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký nuôi con nuôi và thực hiện quyền, lợi ích của con nuôi trong và ngoài nước, giải quyết tốt việc nuôi con nuôi quốc tế như Mục số 13 Nghị định 93/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu quyền hạn của Bộ Tư pháp đã quy định. Bên cạnh đó, Cục Con nuôi cần được củng cố, tăng cường năng lực để đảm nhận được trọng trách nặng nề hơn trong điều kiện nước ta chuẩn bị gia nhập Công ước Lahaye 1993.

- Thành lập một số tổ chức con nuôi trong nước – cầu nối thuận lợi cho việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Các tổ chức này sẽ là đối tác của các tổ chức con nuôi nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Các tổ chức con nuôi trong nước vừa hỗ trợ việc tìm kiếm gia đình thích hợp cho trẻ em, xác minh điều kiện của người nhận nuôi, vừa thực hiện các hoạt động tư vấn cho cha mẹ nuôi những kiến thức cần thiết về tâm lý, pháp lý, về chăm sóc trẻ em được nhận làm con nuôi, tư vấn giải quyết những mâu thuẫn có thể phát sinh khi thực hiện việc nuôi con nuôi... Những công việc này được các tổ chức nuôi con nuôi thực hiện sẽ giảm gánh nặng công việc cho các cơ quan chức năng, nhất là trong điều kiện các cơ quan Nhà nước đều bị hạn chế biên chế.

Việc cho phép tổ chức nuôi con nuôi trong nước được thành lập và hoạt động là một trong những cách thức thực hiện xã hội hoá việc nuôi con nuôi.

- Các cơ quan chức năng, cá nhân có thẩm quyền cần thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Đối với những vi phạm đã được phát hiện, phải xử lý nghiêm khắc, đúng với mức độ, tính chất của hành vi vi phạm. Việc thanh tra, giám sát không chỉ cần thực hiện khi xác lập quan hệ nuôi con nuôi, mà còn cần được tiến hành trong quá trình thực hiện nuôi con nuôi. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm ngăn chặn những hành vi làm giả giấy tờ liên quan đến nguồn gốc trẻ để đưa trẻ vào cơ sở nuôi dưỡng nhằm mục đích vụ lợi và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, kịp thời uốn nắn các lệch lạc trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

- Tuyên truyền rộng rãi, nâng cao hiểu biết về pháp luật nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng đến nhân dân.

Việc nuôi con nuôi là một quan hệ xã hội gắn liền với quyền và lợi ích của trẻ, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài rất nhạy cảm, tế nhị và ảnh hưởng lớn đến các lĩnh vực khác trong xã hội nhất là chính trị, ngoại giao với các nước khác. Mục đích nhân đạo trong quan hệ nuôi con nuôi rất dễ bị một số kẻ lợi dụng để trục lợi. Vậy phải thu hút sự quan tâm, đồng tình ủng hộ với việc nuôi con nuôi trong dư luận quần chúng để mọi người dân hiểu được mục đích nhân đạo, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi. Điều đó đòi hỏi phải tích cực tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nuôi con nuôi tới mọi tầng lớp nhân dân. Các cơ quan thông tin đại chúng cần nâng cao trách nhiệm cao và ý thức được tác động này để điều chỉnh việc thông tin phải phù hợp với mục đích và bản chất tốt đẹp của việc nuôi con nuôi, nhằm phát huy được tác động tích cực của việc nuôi con nuôi trong đời sống.

Kết luận chương III

Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phải tuân thủ quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật; đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất, phù hợp giữa pháp luật trong nước về nuôi con nuôi với các văn bản QPPL khác có liên quan và phù hợp với ĐUQT về nuôi con nuôi là thành viên; đặc biệt phải tháo gỡ được những vướng mắc khó khăn trong thực tiễn thi hành Công ước La Hay 1993.

Giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta tập trung xoay quanh 4 trụ cột của hệ thống pháp luật: Về hệ thống nguồn luật cần tiếp tục nội luật hóa những nguyên tắc jus cogens của Công ước La Hay 1993, cụ thể là nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, lợi ích tốt nhất của trẻ em và minh bạch tài chính.

Cơ chế tài chính yếu và không thông suốt là một cản trở lớn trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, dễ dẫn đến những cách thức thực hiện không đúng chuẩn mực quốc tế.

Về hệ thống thiết chế thi hành phải thay đổi cơ chế tài chính, coi nguồn chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài là khoản đóng góp của cha mẹ nuôi theo hướng dẫn của Công ước La Hay 1993; tăng cường nguồn lực tài chính cho CSND; cụ thể hóa chính sách hỗ trợ duy trì/bảo vệ gia đình gốc và gia đình nhận con nuôi. Về tổ chức thi hành, cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành ở địa phương. Ở trung ương, tăng cường vai trò và nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành. Về nguồn nhân lực, phải xây dựng đội ngũ cán bộ đa ngành nghề và tổ chức con nuôi trong nước tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài từ cấp trung ương tới địa phương.

KẾT LUẬN

Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là một hiện tượng xã hội khá phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt trong những năm 80, 90 của thế kỷ trước. Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước ta từ khi hình thành và trong suốt quá trình phát triển đều gắn liền với số lượng lớn trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài. Cho đến nay, pháp luật hiện hành của nước ta về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài vẫn còn mang đặc trưng pháp luật của Nước gốc (nước cho trẻ em làm con nuôi). Chính vì vậy, hầu như việc nhận trẻ em Việt Nam thường trú ở nước ngoài hoặc trẻ em nước ngoài làm con nuôi của công dân Việt Nam về cơ bản còn thiếu các quy định điều chỉnh. Mặc dù vậy, pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước ta cũng đã đạt được những tiến bộ nhất định.

Hệ thống các văn bản QPPL về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được sửa đổi, bổ sung qua nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 thì Luật nuôi con nuôi chưa được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp Công ước. Về cấu trúc hệ thống pháp luật, chế định nuôi con nuôi đã tách khỏi Luật HN&GD và được điều chỉnh thống nhất về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi nước ngoài tại Luật nuôi con nuôi 2010. Do bản chất pháp lý của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là quan hệ dân sự về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cũng có những phụ thuộc nhất định vào hệ thống pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình nói chung. Dưới góc độ là một sự kiện hộ tịch, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn được điều chỉnh bởi các quy định liên quan về vấn đề hộ tịch. Dưới góc độ là một quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài thì mọi vấn đề liên quan đến tư pháp quốc tế cũng phải được điều chỉnh trong hệ thống các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Ngày nay, trong xu

hướng phát triển chung trên thế giới, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn gắn liền với hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gắn với các biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em có HCĐB. Vì vậy, pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng còn có mối liên hệ nội tại với pháp luật về trẻ em, nhằm bảo đảm việc nuôi con nuôi vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cũng không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của một nước, không chỉ tuân thủ theo ý chí, thỏa thuận riêng của các cá nhân mà phải có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải có sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các nước với nhau, nhằm ngăn ngừa và phòng tránh tệ nạn mua bán, bắt cóc trẻ em để cho làm con nuôi ở nước ngoài. Thực tiễn đã chứng minh khi quy định pháp luật không phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, thì việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bị lạm dụng, gây tác động xấu tới mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi. Chính vì vậy, việc nuôi con nuôi nước ngoài đã từng bị gián đoạn nhằm chấn chỉnh tình hình thực tiễn và thay đổi quy định pháp luật.

Kể từ khi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành, điều kiện, trình tự thủ tục giải quyết được quy định chặt chẽ theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em và tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Tuy nhiên, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài giảm nhiều so với các thời kỳ trước và vẫn còn có những biểu hiện lạm dụng quy định pháp luật dẫn đến những quan ngại của phía nước ngoài.

Nguyên nhân của thực trạng cơ bản là do hệ thống nguồn luật trong nước đã lại bắt đầu bộc lộ những điểm hạn chế, đặc biệt liên quan đến vấn đề tài chính và giải quyết đối với diện trẻ em thuộc diện (khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo). Vấn đề tặng cho trực tiếp trở nên phổ biến và có xu hướng trở thành điều kiện bắt buộc. Thực trạng giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước ta lại đang

đứng trước một thách thức mới, đòi hỏi phải sửa đổi và bổ sung những quy định pháp luật hiện hành. Có thể nói, trong tình hình mới việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta phải là một nhiệm vụ quốc gia và liên quốc gia; không thể có một “*khoảng không gian riêng*” dành cho việc nuôi con nuôi đối với một chủ thể trẻ em nhất định hoặc một loại cơ sở nuôi dưỡng được chỉ định. Đã đến lúc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần tháo gỡ những cản trở không đáng có trong việc giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, từ đó hạn chế quyền được nhận làm con nuôi của trẻ em. Để pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phát huy hiệu quả trong cuộc sống, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, cần tăng cường bảo đảm cơ chế thực hiện, thay đổi cách thức tổ chức thi hành pháp luật và đào tạo chuyên môn cho nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Trong tương lai, hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta ngoài những đặc trưng riêng vốn có, phải là một chỉnh thể thống nhất, liên thông với việc nuôi con nuôi trong nước, gắn với hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em nhằm bảo đảm tính phù hợp với nội dung Công ước, đặc biệt là các nguyên tắc *jus cogens* của Công ước La Hay 1993.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Bộ Tư pháp (2004), Tọa đàm về vấn đề con nuôi quốc tế, Hà Nội
- [2] Bộ Tư pháp (2005), Vũ Đức Long (chủ nhiệm đề tài), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trước yêu cầu gia nhập Công ước La Hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Hà Nội, 255 tr.
- [3] Bộ Tư pháp (2014), Báo cáo rà soát Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi đang có hiệu lực giữa Việt Nam và các nước theo Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế.
- [4] Bộ Tư pháp (2018), Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.
- [5] Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, TS. Nguyễn Văn Cương (Chủ biên) (2018), Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2030, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018.
- [6] Đại học Luật Hà Nội (2017), TS. Nguyễn Phương Lan chủ nhiệm, đề tài khoa học cấp trường về “Luật nuôi con nuôi - thực tiễn thi hành và giải pháp hoàn thiện”, Hà Nội.
- [7] Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Nxb Chính trị quốc gia, 2004
- [8] Luật Hôn nhân và gia đình, Nxb quốc gia Hà Nội, 2014

DANH MỤC CÁC TRANG WEDSITE THAM KHẢO

- [1] <https://lawkey.vn/nuoi-con-nuoi-co-yeu-to-nuoc-ngoai-theo-quy-dinh-phap-luat/>
- [2] [https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma thu Tuc=5694](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma+thu+tuc=5694)
- [3] Bộ ngoại giao (1994), “Công ước Lahaye 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi giữa các nước” <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Cong-uoc-La-Haye-1993-bao-ve-tre-em-va-hop-tac-trong-linh-vuc-con-nuoi-quoc-te-144510.aspx>
- [4] [https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.html?ma thu Tuc=1.003198&id bo nganh=4019](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.html?ma+thu+tuc=1.003198&id+bo+nganh=4019)
- [5] <https://luatvietan.vn/dieu-kien-va-thu-tuc-nhan-con-nuoi.html>
- [6] <https://luatduc.vn/Article/793/Quy-dinh-phap-luat-ve-nuoi-con-nuoi-co-yeu-to-nuoc-ngoai.html>
- [7] Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp, Canada, Hợp chủng Hoa kỳ, Đan Mạch và Thụy Điển <http://www.luatsudms.com.vn/cac-hiep-dinh-hop-tac-ve-nuoi-con-nuoi-tai-viet-nam>
- [8] <https://vpcp.chinhphu.vn/nang-cao-nhan-thuc-thuc-thi-phap-luat-ve-nuoi-con-nuoi-1158895.htm>
- [9] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Cong-uoc-La-Haye-1993-bao-ve-tre-em-va-hop-tac-trong-linh-vuc-con-nuoi-quoc-te-144510.aspx>
- [10] <https://www.sggp.org.vn/gan-3300-tre-em-viet-nam-lam-con-nuoi-nguoi-nuoc-ngoai-trong-9-nam-tro-lai-day-627733.html>

